Số 18 NĂM TÂN-VỊ 1re S. Mars 1931

RÉSIDENCE SUPÉRIEURE TONKIN

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

DEPOT LEGAL INDOCHINE
No 1/028

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BAO-QUAN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO : Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIỆT NAM-ĐỊNH
1931

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

KÍNH NGỎ

CÁC VỊ ĐỘC-GIẢ.

Bản-Chí xin có lời để Chư-vị cùng hay rằng:

An-Nam Tạp-Chí **giá đồng-niên là 7$00, cứ tính đủ 48 số.** Xin các Ngài chú ý.

Bản-Chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ **kể số, mà không kể năm.**

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho, Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI-LÝ.

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 4, 5 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các Ngài làm "*Relevé*" gửi về để tiện việc sổ sách.

An-Nam Tạp-Chí.

Các bài vở trong kỳ này:

Sự tiến-thủ mười năm vua Lê-Lợi.

Thơ

Cái giá-trị của văn-chương.

Thăm thành Genève (*kinh-đô hội vạn-quốc*).

Quang-cảnh nhà máy ươm ở chốn thôn-quê.

Hán-văn diễn-giảng.

Xã-hội thiện-đàm (*3 bài*)

Xã-hội Ba-đảo ký.

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới.

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên:

Mr LẠI-VĂN-XUÂN

Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 18 NĂM TÂN-VỊ 1er S. Mars 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CƠ-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOẢN
Phó Chủ-sự

SỰ TIẾN-THỦ

MƯỜI NĂM VUA LÊ-LỢI

Vua Lê-thái-Tổ là một vị đế-vương anh hùng của nước ta, đánh nhau với Minh trong mười năm mà bình định được nước, phàm người có đọc qua sử đều đã biết cả. Nay tóm xét lại lịch-sử của vua trong *mười năm*, công việc *tiến-thủ* như sao, lược chia làm ba thời-kỳ, cũng là *ăn cơm mới nói truyện xưa*; ngày xuân lắm lúc thư-nhàn, quốc-dân ta ai có nghe chơi, tưởng so với những sự chơi cờ-bạc hội-hè, hoặc là có thú-vị hơn vậy.

1 — Sự tiến thủ trong thời-kỳ thứ nhất: từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu.

Năm *Mậu-tuất*, niên-hiệu Vĩnh-lạc nhà *Minh* năm thứ 16, lịch Thái-tây 1418, tức là ở sử ta, *Bình-định-vương Lê-Lợi năm đầu*. Năm ấy, vua mới nổi quân ở **Lam-sơn**, tự xưng lấm «*Bình-định-vương*», cho nên ở sử chép như thế.

Mùa xuân năm ấy, vua mới cùng tướng tá, lũ Lê-Thạch, Lê-Liễu định mưu, chia đặt quan thuộc, truyền hịch cho xa gần, ấy là bắt đầu công việc tiến-thủ. Quan nhà Minh là Mã-kỳ 馬騏 ở Tây-đô nghe vua ta nổi ở Lam-sơn, đem quân

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

lại để đánh. Vua lui đóng đồn ở Lạc-thủy, đặt sẵn quân phục để đợi. Kỳ đến, quân ta nổi lên đánh; các tướng tranh nhau xông vào trận, chém đầu giặc được hơn một nghìn, bắt lấy được khí-giới rất nhiều, ấy là trận thứ nhất cùng với người Minh giao binh vậy. Qua vài ngày, quân Minh bất kỳ ập lại đánh, quân ta tan nát thua chạy, vợ và con gái của Vua đều bị giặc bắt mất. Vua bèn phải thu nhặt những quân sĩ tan mác, cùng các tướng là lũ Đinh-Lễ, Lê-Sí, đóng đồn ẩn náu ở trong núi Chi-linh

Năm thứ hai, Kỷ-hợi, tháng tư, vua từ núi Chí-linh, tiến quân ra đánh đồn Nga-lạc, bắt được quan Trỉ-huy của Minh là *Nguyễn-Sao*, đem chém đầu. Tuy vậy mà khi ấy thế lực người *Minh* to, quân tướng của ta ít, Vua lại đánh nữa không được, bèn lại lui về giữ *Chí-linh*. Quân ta đóng ở núi *Chí-linh*, bị quân *Minh* thường bất kỳ đến đánh, thế rất quẫn bách. *Lê-Lai* tự xin đổi áo bào, giả làm vua, trỉ huy các tướng ra trận. Tướng *Minh* đem đông quân lại vây, đánh bắt được *Lê-Lai*, nhận nhầm là vua *Lê-Lợi* ta vậy, bèn lui quân về *Tây-đô*. Vua sai *Trịnh-Khả* sang kết thân với *Ai-Lao*, nhờ binh lương giúp đỡ. Tháng năm năm ấy, vua đóng quân ở *Lư-sơn*.

Năm thứ ba, canh-tử, tháng mười, vua đóng quân ở đồn *Ba-Lẫm*, sai các tướng là lũ *Lê-Sát*, *Lê-Hào* tiến đánh trại Quan-du, chém đầu và bắt được quân-giới của người *Minh* rất nhiều; quân ta khí thế lại nổi.

Năm thứ tư, tân-hợi, tháng mười một. Tướng Minh là Trần-Trí đem quân đến đánh đồn Ba-lẫm, vua phục quân ở cửa Ứng đón đánh. Trí thua lui.

Năm thứ năm, nhâm-dần, Vua từ Ba-lẫm tiến quân đến Quan-du. Tướng Minh là Mã-Kỳ cùng với nước Ai-lao (Ai-lao khi ấy cùng ta đã tuyệt hòa) hẹn nhau, trước sau giáp lại để đánh. Quân ta bất lợi, Vua lui đóng đồn ở Khối-trại. Giặc họp quân lại để vây. Vua phải khóc mà bảo các tướng sĩ rằng: «Nay quân giặc bốn mặt vây ta, ta cố đánh thời sống, không cố đánh thời chết!» Chúng đều cảm khích, cố chết ra trận, bèn chém được Tham-tướng của Minh là Phùng-Quí và binh sĩ hơn một nghìn đầu. Mã-Kỳ, Trần-Trí chạy.

Trong khi ấy, quân ta tuy đánh có được, song mà chưa có lợi-tiện về sự tiến-thủ. đành cứ đóng hoài ở trại núi, lương thực không đủ ăn. Đã hai tháng hết lương, chỉ ăn no bằng rau cỏ, đến phải giết voi, giết ngựa, để khao cho quân sĩ. Tướng sĩ nhọc mệt. ai nấy đều muốn nghỉ-ngơi, đều khuyên Vua nên hòa với người Minh. Vua không đừng được, bèn phải sai bọn Lê-Trăn đi sang quân Minh cầu hòa.

Qua năm đó sang năm sau, là năm thứ sáu, quí-mão, Vua Lê-Lợi về Lam-sơn. Sau lúc đã cùng người Minh hòa-thân, các quan Tầu là lũ Trần-Trí, Sơn-Thọ thường sai đem cho ta nhiều những trâu ngựa, cá, muối, đồ làm ruộng và thóc, lúa. Vua cũng sai đem báo đáp bằng bạc vàng,

Giở lên, đại-lược công việc trong sáu năm, vua Lê đương gây dựng cơ-đồ, đánh nhau có trận được trận thua, cảnh-thế thực nhiều phen nguy hiểm. Nay chia làm sự tiến-thủ, thời-kỳ thứ nhất trong mười năm.

2. — Sự tiến-thủ trong thời-kỳ thứ hai, từ năm thứ bảy, đến năm thứ chín.

Năm Giáp-thìn, niên-hiệu Vĩnh-lạc nhà Minh năm thứ 22, lịch Thái-tây 1424, tức là ở sử ta Bình-định-vương năm thứ bảy. Vua đóng quân ở Lư-sơn, họp các tướng hỏi phương-sách tiến-thủ nên thế nào là trước. Quan Thiếu-úy là Lê-Trích 黎隻 thưa rằng: «Xứ **Nghệ-An** *hình-thế hiểm yếu, đất rộng người nhiều; tôi thường có ở qua, hơi biết được rõ. Nay nên trước lấy Trà-long, lược định Nghệ-an, dùng làm chỗ đứng chân cho yên, nhờ của và sức ở đó; rồi sau mới quay ngọn cờ về Đông-Đô, thời việc thiên-hạ có thể tính được lắm.*»

Vua khen lấy làm phải. Mùa thu năm ấy, bèn dẫn quân đi về mạn nam, áp đánh đồn *Đa-Căng*. Quan Tham-chính của Minh là *Lương-như-Hốt* thua chạy. Quân ta chém và bắt được giặc vô kể.

Vua đã lấy được đồn *Đa-Căng*, vào sổ những đinh-tráng, tề trỉnh các đội ngũ, thẳng dảo vào *Nghệ-an*. Dữa đường gặp quân *Minh*, đánh nhau hai trận, quân ta đều được cả. Tháng mười một, Vua đốc các tướng vây *Trà-long*. Tri-phủ là *Cầm-Bành* xin hàng. Triều-đình Minh được tin *Trà-long* thất-thủ, ban sang tờ sắc cho lũ *Trần-Trí*, *Phương-Chính*, phải chóng đánh lấy thanh bình. *Trí*, *Chinh* thủy lục cùng tiến. Vua nghe tin báo, đặt quân phục ở cửa *Khả-lưu*, đánh nhau luôn hai trận, bắt được quan *Đô-tư* của *Minh* là *Chu-Kiệt*, chém *tiên-phong-tướng* là *Hoàng-Thành*, giết và bắt được số giặc vô kể; khí giới của bên giặc bỏ đầy các khe núi. Lũ *Trần-Trí* lại chạy về *Nghệ-an*.

Năm thứ tám, ất-tỵ. Mùa xuân tháng giêng. Vua dẫn quân đến làng *Đa-lôi* huyện *Thổ-du*. Dân-gian già trẻ tranh đem trâu rượu vui mừng đón rước, đều nói rằng: « Không ngờ ngày nay lại thấy uy-nghi của nước cũ. » Thổ-tù châu *Ngọc-Ma* là *Cầm-qui* đem binh tượng (voi) theo về, Vua bèn bổ quân vây thành Nghệ-an.

Tháng năm năm ấy, quan Tư-không là *Đinh-Lễ* đánh phá tướng Minh là *Trương-Hùng* ở *Diễn-Châu*, Hùng chạy về *Tây-đô*. Quân ta vây *Tây-đô*. Tháng bảy, vua sai quan Tư-đồ là *Trần-Hàn*, quan Thượng-tướng *Lê-Nỗ* đánh hai thành *Tân-bình* và *Thuận-hóa*, đều lấy được cả.

Năm thứ chín, Bính-ngọ. Vua lấy rằng tinh-binh của *Minh* ở hết cả *Nghệ-An*, ngoài Đông-đô hư không hèn yếu. mùa thu tháng tám, bèn chia các tướng làm ba đạo ra đánh các lộ ở *Đông-Đô*. Tháng chín, để *Lê-Ngân* Lê, *Văn-An* ở lại vây Nghệ-An, vua tự dẫn quân ra đánh *Tây-Đô*.

Khi ấy bên nhà Minh sai *Vương-Thông* làm Tổng-binh, cùng là *Tham-Tướng* là *Mã-Anh* đem quân sang viện thành *Đông-Quan*. Các tướng cũ ở bên ta là lũ *Trần-Trí*, *Phương-Chính*, *Trần-Hợp*, đều theo tiết-chế của Thông cả. Thông mới đến, khí thế rất mạnh, đem toàn quân mười vạn, chia ba đường cùng ra. *Cổ-Sở* (古所), *Sa-Đôi* (沙堆), *Thanh-Oai*, đồn lũy liền nhau mấy mươi rặm, bóng cờ rợp đồng, tự cho là đánh một phen có thể song việc. Các tướng của ta là lũ *Đinh-Lễ*, *Lê-Xí*, *Lý-Triện*, trước sau hợp binh để tiến đánh. Hai quân đánh một trận to ở *Tột-Động* (窣洞), quân ta chém được Thượng-thư của *Minh* là *Trần-Hợp* và nội-quan là *Lý-Lượng*, lại theo đuổi kỳ cùng. Quân *Minh* vừa bị giết, vừa bị bắt, và dẫm sẻo nhau mà chết, có tới hơn năm vạn; số chết đuối xuống nước cũng nhiều, con sông *Ninh* đầy những thây, không chảy được. *Trần-Chính*, *Mã-Kỳ* trốn chạy. *Thông* bị vết, chạy về thành *Đông-quan*. Lúc ấy, Vua ta đương đóng ở *Lỗi-giang*, nghe tin báo thắng trận, bèn nổi trống tiến quân ra *Thanh-đàm*, các tướng ra đón mừng. Vua bèn sai bọn ông *Trần-Hãn* đem quân thủy hơn một trăm chiếc *chiến-thuyền*, đi ngược sông *Luống*, ra cửa sông *Đáy*, rồi thuận dòng buông xuống, đến bến đò đông sông *Nhị-hà*; bọn ông *Bùi-Bị* đem quân bộ hơn một vạn đi ngầm tiến đến cầu *Tây-dương*. Vua tự đem quân tiến sát thành *Đông-quan*. Người *Minh* thêm đồn lũy cố chết giữ.

Giở lên, công việc trong ba năm, từ lấy đồn *Đa-Căng*, cho đến tiến đánh thành *Đông-quan*, không trận nào thất lợi. Nay chia làm sự tiến-thủ của vua *Lê* thời-kỳ thứ hai.

3 — Sự tiến-thủ trong thời-kỳ thứ ba; năm thứ mười.

Năm-đinh-vị, niên-hiệu *Tuyên-đức* nhà Minh năm thứ hai, lịch Thái-tây 1425, tức là ở sử ta, *Bình-định-vương* năm thứ mười. Mùa xuân tháng giêng, vua *Lê* tiến đóng quân ở bờ bắc sông Nhị-hà, cùng với thành **Đông-quan** ngang đối nhau, sai các tướng là lũ ông *Trịnh-Khả* đánh cửa đông, *Đinh-Lễ* đánh cửa nam, *Lê-Cực* đánh

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

cửa tây, *Lý-Triện* đánh cửa bắc, bốn mặt đều đánh sát vào thành. Vua ngày ngồi trên từng lầu ở trong dinh *Bồ-đề* bờ sông *Nhị*, trông vào trong thành xem xét sự động tĩnh của bên giặc; cho ông *Nguyễn Trãi* ngồi từng lầu thứ hai, lĩnh ý thảo thư trát đi lại, dụ hàng *Vương-Thông* và các tướng *Minh* chia giữ ở các thành. Rồi mà các thành *Nghệ-an*, *Diễn-châu*, *Kỳ-ôn*, *Điêu-diêu*, *Thị-kiều*, *Tam-giang* của người *Minh* đều thứ tự hàng phục về ta cả. Vua có lời dụ cho các hào-kiệt trong nước rằng:

« Các thành đều đã lấy được, duy một thành Đông-quan chưa đánh xong. Ta ngày đêm lo nghĩ, lấy rằng ở tả hữu chửa được người; các chức Tướng-quốc, Thái-phó, Thái-bảo chưa đặt; Thái-úy, Đô-nguyên-xúy còn thiếu. Vậy nên đem thành thực, lễ kính, mong rằng các hào-kiệt trong nước cùng lòng hợp sức, cứu vớt muôn dân; xin chớ tự náu ngọc chìm châu, khiến sinh-linh chịu nỗi lầm than vậy. Hoặc ai có đem tình cao thượng, rẻ sự công-danh, xin cũng hãy gượng vì dân ra đời, sau lúc thành công mà muốn thỏa cái chí về rừng xanh, ta không cấm các ngươi chi hết.»

Lại kể từ trận đánh ở *Tốt-động*, *Trần-Hợp* thua chết, *Vương-Thông* xin thêm quân ở *Minh*. Vua Minh nghe tin, rất sợ, chia sai Tổng-binh là *Liễu-Thăng* thống các tướng, lĩnh quân mười vạn, ngựa một vạn, do đường *Quảng-tây*, tiến sang đánh cửa quan *Phi-lũy*; Chính nam tướng-quân là *Mộc-Thạnh* thống các tướng do đường *Vân-nam* tiến sang đánh cửa quan *Lê-hoa*. Các tướng sĩ nghe quân viện của *Minh* sắp tới, nhiều người khuyên vua nên kíp đánh *Đông-độ*, để tuyệt sự nội-ứng của quân giặc. Vua nói rằng: «Đánh thành là một cái phương kế rất thấp. Không bằng cho quân sĩ nghỉ ngơi, để nuôi lấy cái khí mạnh, đợi giặc đến, ta đánh ngay. Quân viện tuyệt thời thành phải hàng.» Đến khi nghe báo lũ *Liễu-Thăng* tiến đến cả đầu cõi, Vua sai bọn ông *Lê-Sát*, *Lê-Thụ Đinh-Liệt* lĩnh quân một vạn, voi năm con, trước đặt phục ở cửa ải *Chi-lăng* để đợi; lại sai ông *Lê-Lý*, *Lê-văn-An* lĩnh quân ba vạn, tiếp tục tiến theo sau. *Trần-Lưu* giữ cửa ải *Phi-luỹ*, thấy giặc đến, lui giữ cửa *Ải-lưu*. Giặc tiến tranh *Ải-lưu*, *Lưu* lại lui giữ cửa *Chi-lăng*. Trước cửa *Chi-lăng*, liệt dồn trại từng đoạn để chống giữ. *Thăng* thừa thế tiến đánh, phá được luôn, đến đâu không ai dám ngăn chống. lấy làm đắc ý lắm. Vua lại sai người đem bức thư đến *Thăng* xin hàng. *Thăng* nhận thư không mở xem, cho chạy trạm tâu về triều-đình *Minh*, mà kéo quân tiến chàn sang mãi mãi. Quân giặc còn cách *Chi-lăng* độ mấy rặm, *Lê-Sát* sai *Trần-Lưu* đón đánh, rồi giả làm thua chạy, *Thăng* thấy vậy rất mừng, tự đem hơn một trăm quân kỵ ruỗi trước, đội quân nhớn ở sau không nối kịp, lại nhầm mắc vào chỗ lầy, gặp quân phục của ta nổi lên đánh, liền bị thua. Quân ta bèn chém *Thăng* ở trên gò *Đảo-Mã* (倒馬). Quân của bọn ông *Lê-Lý* tiếp đến, cùng quân ông *Lê-Sát* hội họp, hợp sức lại cùng đánh, chém *Lương-Minh* ở Trận; còn *Lý-Khánh* tự vẫn chết. Quân *Minh* bị chém chết hơn vạn người. Cánh quân của *Hoàng-Phúc* định kéo sang *Xương-giang* 昌江, bị quân ta vây đánh, chém tới năm vạn người. Bắt *Phúc* và *Thôi-Tụ* cùng quân chúng đến ba vạn. *Tụ* không chịu hàng, Vua sai đem giết bỏ. Khi ấy *Mộc-Thạnh* cùng với *Phạm-văn-Sảo* và *Trịnh-Khả* của ta cũng đương chống giữ nhau ở cửa ải *Lê-hoa*, Vua sai đem các viên tỳ-tướng của *Liễu-Thăng* bị ta bắt được, và những sắc-thư, phù, ấn của vua *Minh* cấp cho *Thăng*, đưa đến chỗ quân *Thạnh*. *Thạnh* sợ quá, quân chúng vỡ chạy. Bọn *Trịnh-Khả* thừa thế theo đánh, chém hơn một vạn đầu, bắt được người và ngựa đều tới hơn số nghìn. Thạnh chỉ cưỡi một con ngựa chạy thoát. Vua lại sai đưa *Hoàng-Phúc* đến thành *Đông-quan* và đem những hồ-phù ấn-tín của *Chinh-lỗ-phó-tướng-quân*

của *Phúc*. *Vương-Thông* tiếp được sợ quá liền sai người mang thư xin hòa. Vua cho hòa, bèn họp *Thông* cùng ăn thề ở phía nam thành, hẹn đến tháng mười hai thời quân *Minh* rút lui, khi ấy là khoảng tháng mười một vậy.

Tháng mười hai, đại-tướng của *Minh* là *Vương-Thông* cùng lũ tướng tá là *Trần-Trí, Phương-Chính, Sơn-Thọ, Hoàng-Phúc, Mã-Kỳ, Mã-Anh* đều đến dinh *Bồ-đề* bái tạ, rồi rút quân về bắc. Bình-định thành công.

Đó là thời-kỳ thứ ba trong sự tiến-thủ của vua *Lê* vậy.

Tóm xem trong ba thời-kỳ ấy, phương-lược tiến-thủ về thời-kỳ thứ nhất, hay ở chỗ giao-hòa với *Trần-Trí, Phương-chính*; về thời-kỳ thứ hai, hay ở chỗ nghe lời *Lê-Chích*; về thời-kỳ thứ ba, hay ở chỗ không đánh thành Đông-quan. Từ mùa xuân năm Mậu-tuất đến tháng chạp năm Đinh-vị, sự tường đã có ở sử xanh; đây chỉ tóm đại-lược chép làm một bài văn khảo-cứu để cung chư Độc-giả trong ngày xuân, để biết qua là sự tiến-thủ mười năm vua Lê-Lợi.

Nguyên-khac-Hiêu

Lam-sơn. — Tên làng, thuộc huyện Thụy-nguyên tỉnh Thanh-hóa.

Tây-đô. — Tên thành, của Hồ-quý-Ly đắp, cho nên cũng gọi là "Thành nhà Hồ", ở về địa phận huyện Vĩnh-lộc, Thanh-hóa.

Lạc-thủy. — Tên huyện, sau là Cẩm-thủy, thuộc phủ Quảng-hóa, Thanh-hóa.

Núi Chí-linh. — Ở về địa-hạt phủ Chấn-định, Nghệ-an.

Nga-lạc. — Tên huyện, nay là Nga-sơn, thuộc phủ Hà-trung, Thanh-hóa.

Lư-sơn. — Cách 97 rặm về phía tây châu Quan-hóa (Thanh-hóa).

Ba-lẫm. — Cửa ải, thuộc về huyện Lỗi-giang (Thanh-hóa).

Quan-du. — Tên trại, sau là châu Quan-hóa (Thanh-hóa).

Cửa-Ứng. — Có nhẽ: ở về tổng Cổ-lũng, huyện Cẩm-thủy (Thanh-hóa).

Trà-lồng. — Tức Trà-lân, sau là phủ Tương-dương, Nghệ-an.

Đa-cang. — Có nhẽ: thuộc về huyện Quan-hóa, Thanh-hóa.

Khả-lưu. — Cửa ải này ở bờ bắc sông Lam-giang, huyện Lương-sơn, phủ Anh-sơn, Nghệ-an.

Đa-lôi. — Có nhẽ là giáp Xuân-lôi, làng Nam-kim, huyện Thanh-chương, Nghệ-an.

Thổ-du. — Tên huyện, nay tức là huyện Thanh-chương, Nghệ-an.

Ngọc-ma. — Tên châu, sau là phủ Chấn-định (Nghệ-an).

Tân-bình. — Tức Lâm-bình, tên phủ...

Thuận-hóa. Tên phủ, nay là đất Huế.

Cổ-sở. — Tên làng, có bến đò Phùng, nay thuộc huyện Thạch-thất, phủ Quốc-uy Sơn-tây.

Sa-đôi. — Có nhẽ: thuộc huyện Từ-liêm (Hà-đông).

Tột-động. — Tên làng, sau thuộc huyện Mỹ-lương...

Đảo-mã. — Một tên nữa là núi Mã an, ở về làng Mai-tiêm, châu Ôn, Lạng-sơn.

Xương-giang. — Tên thành, người Minh đắp, ở về làng Thọ-xương, huyện Bảo-lộc, phủ Lạng giang Bắc-Ninh.

Đề dư-đồ nước Nam ở ngoài bìa « An-nam tạp-chí »

Đây, bức dư-đồ nước Việt ta!
Ba kỳ chung một giải quan hà.
Non sông còn đó non sông cũ,
Đất nước y nguyên đất nước nhà.
Đen đỏ vẽ vời bao nét bút,
Trắng vàng phe lẫn mấy màu da.
Trên bìa tạp-chí in mà đẹ,
Giữ lấy, ai ơi, kẻo nữa nhoà!

LƯỜNG-HỒ

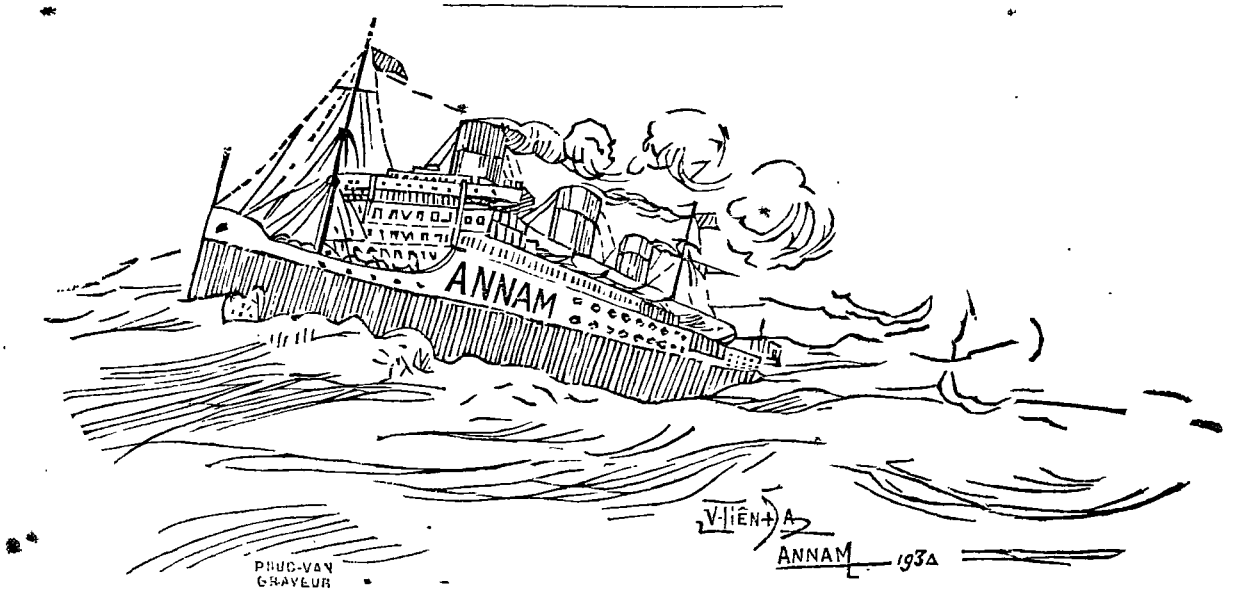
Nguyễn-trung-Khuyến

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Thơ mừng An-nam tạp-chí

Một cuộc tang thương mấy đổi rời,
Mừng nay tạp-chí lại ra đời
Tiếng chuông nước Tổ vang lừng đất!
Ngọn đuốc thành Nam sáng rực giời!
Con cháu Rồng Tiên mày mặt nở,
Non sông Cõi Vị cỏ hoa tươi.
Dư-đồ nét cũ, con tầu mới,
Gọi tỉnh giang sơn một tiếng còi!

HÀ-CAO-BẰNG
Đông-Khê Gia-viễn NINH-BÌNH



原泉混混。不舍晝夜。盈科而後進。放乎四海。有本者如是。是之取爾。

Nguyên toàn hỗn hỗn, bất sả trú dạ, doanh khoa nhi hậu tiến, phóng hồ tứ hải, hữu bổn giả như thị, thị chi thủ nhĩ.

Mấy câu đây ở trong sách Mạnh-Tử, là lời ông Mạnh-Tử giảng-thuyết cho một người hỏi về ý đức Khổng thường hay ngợi khen về nước.

Nghĩa rằng:

Cái suối nước có nguồn, chảy ra cuồn cuộn, cả ngày cả đêm; đầy đủ các chỗ trũng lõm, mà rồi sau tiến đi, đi mãi cho đến tận bốn bể. Ấy có nguồn gốc thời như thế; đáng khen đáng quý, chỉ vì như thế đó thôi.

An-nam Tạp-chí

Cái giá trị của văn-chương

Có kẻ bảo rằng văn-chương là hoa mỹ bề ngoài, không bổ ích gì cho đời, không thể đem ra mà thực dụng được. Nói như vậy, chẳng qua là suy-xét nông-nổi đó thôi, chứ văn-chương vốn có một cái giá-trị đặc biệt. Cơm gạo là phần nuôi cho cơ-thể, thì văn-chương cũng là một móu ăn cần cho trí não.

Muốn biết văn-chương có ảnh-hưởng thế nào, thì ta thử tưởng-tượng ở vào một nơi u ám, suốt ngày không nom thấy bóng mặt giời; hay là bước chân vào một cái vườn cảnh, cành cây trơ trụi, tuyệt-nhiên không có một bông hoa, thì cái tâm hồn của ta lúc bấy giờ nó biểu lộ ra một cách thế nào, ta sẽ rõ. Giả thử cuộc đời cũng như cái buồng tối-tăm không chút ánh sáng, như cái vườn trơ trụi không có bông hoa, nghĩa là trong đời người ta cứ hết giờ làm việc để mưu cầu lấy sự sống, hết ăn rồi lại ngủ, toàn nhiên về vật-chất cả; cuộc đời nếu chỉ như vậy, thì tưởng ai kia rẫu sống lấy đủ trăm năm, cũng không lấy gì làm thú.

Nhưng không, người ta còn có tư-tưởng, tất có lúc còn mơ mộng đến điều cao xa, khiến cho mình quên đời vật-chất mà vượt lên cõi tinh-thần. Những lúc giăng trong, gió mát, tình hứng nồng nàn; khi ngắm núi cao, sông rộng, bát ngát bao la; lại những lúc phòng không đêm vắng, nghĩ những đâu đâu, cùng những khi công việc nhọc-nhằn, muốn được hả-hê đôi chút; nói tóm lại là biết bao cảnh-tượng ở đời nó kích động đến tâm-cơ, khiến cho ta chứa-chan tình cảm. Những lúc đó thời ai mà không có tý chút hồn thơ phảng-phất trong khối óc để mô tả cái hay, cái đẹp, nỗi vui, sự buồn, để dãi tấm tình riêng. Người biết văn-chương thời tả nên lời, nên điệu, người không biết làm văn thời hoặc nghĩ ngợi vẩn-vơ, hoặc nhớ được một vài câu cũ, rồi cũng ngâm, cũng đọc cho vui miệng thích tình. Chú lái đò nghêu ngao trên mặt sóng, cô quầy mạ dẻo dắt trong cánh đồng, cho đến đàn mục-tử, gã tiều-phu cũng véo von chân đèo, ngoài nội:

Rủ nhau lên thác xuống ghềnh,
Lên thác đã vậy, xuống ghềnh làm sao?

* * *

Nên chăng thì cũng tại người,
Chớ thấy sóng cả mà rời tay ra.

* * *

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề:
Trông giời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.

* * *

Rủ nhau lên núi hái chè,
Hái dăm ba lá, xuống khe ta ngồi.

Những câu đó tuy có là câu cũ, ở cửa miệng người này, truyền sang người khác, nhưng cũng là ở cái óc thơ lai-láng, đọc lên cho khuây khỏa nỗi khó nhọc, hoặc để tả cái tình riêng đối với tạo-vật. Nếu không có câu văn ngâm đọc, thì hạng lao-dân, quanh năm chân lấm tay bùn, những lúc công việc nặng nề, tinh thần mỏi mệt, còn biết lấy chi làm quà tiêu-khiển nữa.

Ngoài cái thú tiêu-khiển, những câu văn đó há không còn có giá-trị gì nữa sao? Lẽ nào lại không gợi cho người ta sinh lòng kiên-nhẫn, thêm trí bạo dạn ra sao? Đương lúc sông sâu, sóng cả, con thuyền nhỏ lên vật xuống, cái tính mệnh con người ta gửi cả vào tay lái, tay chèo, nếu chú lái đò không nghĩ đến câu «Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo» mà sinh ra rối trí, thời cái tính mệnh của cả một thuyền chẳng cũng nguy lắm ru!

Lại như chị thợ cấy kia, dầm mưa, dãi nắng, chân xéo xuống bùn lầy, ngập sâu quá đầu gối, nếu không nghĩ đến «nước bạc, cơm vàng» thì sao cho nguôi được cái khổ.

Ấy đại-loại văn-chương đối với tâm-lý người ta có ảnh-hưởng là thế. Văn-chương còn tô-điểm cho đời thêm đẹp, khiến cho

đời biết yêu mến sự sống, lại gây cho đời một cái trí hưởng cao-thượng nữa.

Bầu ơi! thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn.

Nhiễu điều phủ lấy giá-gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng!

Những văn-chương như vậy, cái giá-trị còn cao hơn một từng nữa, vì sức cảm-hóa đối với nhân-quần, xã-hội, cũng có khác xa. Tương truyền rằng mấy câu này là của bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị làm ra trong khi nổi lên đánh đuổi người Tô-Định về Tầu, thế thì mấy câu văn đó chẳng biến cải được nhân-tâm, chẳng là gây một cái giây liên-lạc trong đất nước ru!

Ta lại thử đọc bài hịch dăn quân-sĩ của Hưng-đạo-Vương, bài Bình-Ngô đại cáo của ông Nguyễn-Trãi, bài quốc-ca Pháp (Marseillaise), văn Voltaire Victor Hugo, Jean Jacques Rousseau, thời mới biết cái giá-trị của văn-chương đối với xã-hội là thế nào. cũng thì một câu văn mà khiến được người sinh lòng dũng-cảm. xông-pha nơi chiến-trường, liều với mũi tên hòn đạn, gây nên sự-nghiệp anh-hùng, nghìn thu sử sách.

Văn-chương như thế mới mãnh-liệt, hùng-hồn, thấm sâu mãi đến con tim khối óc của ta, dạy cho ta biết đạo làm người, lại gây cho ta cái tinh-cách hào hùng nữa.

Ấy cái giá-trị của văn-chương là thế, các nhà làm văn ngày nay há chẳng nên gây lấy sự-nghiệp để mong ảnh-hưởng cho nhân-quần, xã-hội hay sao?

Dương-thiệu-Cương

BÀI HÁT

Chúc mừng hội "Việt-nam-tương-tế" ở Vân-Nam phủ

Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước, ta thương nhau cùng.

Thương nhau trên dưới một lòng;
Cùng nhau tạc một chữ đồng đến xương.

同胞寓在雲南省
Đồng bào ngụ tại Vân-nam tỉnh,
總數如今有四千
Tổng số như kim hữu tứ thiên.

Cầu Giời cho phát-đạt bình-yên,
Vững bề thế, để đua chen nơi đất khách.

Non sông nước cũ ngàn mây cách;
Nòi giống nhà ta giọt máu chung.

Biết thương nhau, ta phải sót nhau cùng,
Cơn nguy biến, lúc làm chung, cùng cứu tế.

Chữ «tương-tế,» nghĩa hội ta là thế,
Người Việt-nam ghi để đất Vân-nam.
Việt-nam-tương-tế nghìn năm!

Yunnanfou le 6 Mai 1918

Vũ-văn-Lễ

Qua miếu bà My-Châu

(Miếu bà My-Châu ở huyện Đông-Anh tỉnh Phúc-Yên)

Qua miếu đền đây luống chán-chường,
Đau lòng kim cổ cuộc tang thương.
Vuốt rùa nỗi khách thờ-ơ mấy;
Lông ngỗng nghe ai rắc-rối đường.
Nước giếng vơi đầy bao huyết-lệ;
Cung đình rầu rĩ mấy phong-sương.
Giận ai, mà lại thương ai nhỉ?!
Nghĩ giật mình cho sự bá vương!

LƯƠNG-HỒ

Nguyễn-trung-Khuyến

THĂM THÀNH GENÈVE

Kinh-đô vạn-quốc ở nước Thụy-sỹ

Xét trong địa-dư-chí nói nước Thụy-sỹ địa thế rất nhiều núi cao chót vót, hồ rộng mông mênh, núi *Alpes centrales* vũng quanh khắp mạch đông nam, chạy xòe ra các phía như hình tia sáng, các rẫy núi liền nhau dài rằng rặc, không đất đoạn một chỗ nào, đầu non tuyết phủ trắng ngần, bốn mùa thường vẫn như xuân một mầu, vào buổi giời quang mây tạnh, bóng hồ lấp lánh. sắc núi xanh xanh, lắm nơi phong cảnh rất xinh, thực là một đất danh thắng của châu *Âu* vậy. Khí hậu xứ đó tuy lạnh, nhưng vì có nhiều phần núi nên không khí trong lành hơn cả mọi nơi, các khách du quan cùng những người nghỉ mát mùa hè thường đến xứ đó để cho được thư thái tâm thần, lại không khác gì một cái vườn hoa vui vẻ rộng rãi bao la của châu *Âu* nữa vậy.

Hướng chi nước đó vốn giữ chủ nghĩa trung-lập, liệt-cường cũng đều thừa nhận là một nước trung-lập lâu giài mãi mãi, cũng như nước *Ben git* (Belgique) và nước *Luy dam bua* (Luxembourg) lại xem trận đại-chiến vừa qua hai nước kia đều phải chịu cái kiếp gio tàn khói đạn, riêng một nước Thụy-sỹ này ở giữa quãng chiến trường cạnh tranh kịch liệt, nhờ có nhiều rặng núi chung quanh bao bọc, giữ gìn ủng hộ ngăn đón không bên hơi súng đạn xâm vào, tránh thoát khỏi cái nỗi lầm than bối rối, thì nước Thụy-sỹ thật chiếm riêng được một cõi thái-bình, không khác gì một cảnh tiên hiện ngay ở giữa lục địa châu *Âu* vậy. Đó là nói về phần lạc thú thiên nhiên, và hình-thắng ở địa thế, nước Thụy-sỹ đã có những cảnh tốt đẹp lạ nhường như thế, còn về phần giao-tế với các nước thì lại có hội quốc-tế liên-minh lập ngay ở thành **Genève** thuộc về phía tây nam nước đó để xử phân công cuộc bối rối của các nước ở trên hoàn cầu, nên người ta đã gọi nước Thuy-sỹ là đất phát sinh ra sự hòa bình của thế-giới vậy.

Ấy cũng vì nước Thụy-sỹ có cái đặc-điểm như trên đó, nên những khách muốn du quan nơi danh thắng, những người muốn khảo sát sự hòa bình, ai là chẳng mong có một ngày được du lịch cái nước vui vầy như thế, quan trọng như thế ru!

Tôi cũng vì lòng ước vọng chứa chan như vậy, nhân lại tiện rịp qua chơi thành *Genève* dám xin đem những điều trông thấy lược thuật ra đây để cống hiến cùng chư vị đốc-giả, mong rằng quốc-dân Annam ta cũng có một ngày cùng dự tới chốn kinh-đô vạn-quốc đó, để cùng hấp thụ cái không khí trong lành, xênh xang trên cõi núi hồ tốt đẹp đó, thì tấm lòng hy vọng vui sướng biết là dường nào!

Năm 1929 nhân nghỉ hè tại thành *Grenoble* từ đó sang Thụy-Sỹ đường đi đã thuận tiện, vừa gặp dịp kỳ hội-đồng *Vạn-Quốc*, lại là một cơ-hội rất hay, nên cái lòng du-lịch *Genève* lại càng sôi nổi lắm; ngày 6 tháng *Septembre*, mới sắm sửa hành-trang bước ra, tầu hỏa theo bên sông *Isère*, ở dữa thời sông, hai bên thời núi, bên phải có giẫy núi *Graisivandan* ngọn cao chót vót, bên trái có giẫy núi *Grande Chartreuse*, đá mọc chon von, dương liễu rườm rà, rặng thông xanh tốt, thỉnh thoảng lại chen vài tảng đá trắng trắng đen đen, ở quá ga *Aix-les-Baines* một ít có cái hồ *Bourget* sắc nước lóng la lóng lánh, mình ngồi trên toa tầu để ý trông ra các phía, nào quãng sông to xa cách bến, mắt giẳng mông-mênh, nào làn sóng cả vỗ vào bờ, tai nghe lạt sạt, sông lượn bao nhiêu khúc, đường tầu cũng lượn theo bấy nhiêu khúc, trông phong cảnh đó lại sực nhớ đến câu: *non xanh nước biếc như tranh họa đồ*, của cổ-nhan ta vậy, nước non Thụy-Sỹ cũng nước non ấy, nước non mình cũng nước non ấy, nước biếc non xanh, xinh đẹp không khác nhau là mấy, mà nước non mình vẫn cứ chơ chơ như

vậy, nước non người sao ngắm thấy càng tươi; mải nhìn cảnh thú, con tầu chạy chẳng nhớ đến gần xa, trông ra đã đến *Bellegarde* mới xuống đổi tiền *Pháp* ra tiền *Thụy-Sỹ* để phòng khi tiện muốn tiêu dùng. Lệ thường, đến ga *Genève Cornavis* đưa người mật-thám xem giấy má, tôi vì sự muốn đi du-lãm, quá nỗi vội vàng, hôm 4 mới định đi *Genève*, giấy thông-hành phải lấy tại *Paris*, lại phải thân hành đi lấy mấy được, như thế một là tổn kém hành-phí, hai là không kịp kỳ hội-đồng vạn-quốc này, nên khi đi từ *Pháp* sang *Thụy-Sỹ* mà chả có giấy-từ gì cả, chỉ có cái căn-cước cũ rích lấy ở bên nước nhà thôi vậy. Người mật-thám thấy mình không có giấy, tình nghi giữ lại, định đến chuyến tầu sắp tới bắt giở về *Pháp* là song. Tôi liền kể rõ cái lý-lịch cùng là mục-đích sang *Thụy-Sỹ* làm gì, đem cái chân-tình năn nỉ hồi lâu, người mật-thám mới bảo tôi rằng: nếu ông bằng lòng nhận cô kia, cô ấy đi cũng không có giấy thông-hành, là đi theo ông, thì tôi sẽ cho phép ông ở lại *Thụy-Sỹ* 24 giờ, tôi cả quyết chối từ, hồi lâu không biết người mật-thám nghĩ thế nào, cũng cho tôi vào thành *Genève* để xem phong-cảnh, lúc ấy đồng hồ đã điểm 10 tiếng, mà tầu đến ga từ 9 giờ rưỡi, tính ra tầu đi hết 2 tiếng đồng hồ. Đồng đất nước người, phố xá khách lạ, tôi mới vào sở *Bureau de reinseignements officiels* số nhà 3, ngã *des Bergues* (*Place des Bregues*) hỏi thăm những lối đường đi cùng nơi nhà ở, ở đây vốn sẵn người chỉ lối đưa đường, đi theo *phố bờ sông* (Quai des Bergues) lên cầu de *l'Ile* sang bờ bên kia lần theo phố *Corraterie*, thình lình đến một nơi rất rộng rãi, một mặt nhà cửa san-sát, ra vẻ náo-nhiệt khác thường, nào trường đại-học mỹ-thuật (Ecole des Beaux Arts) cột tường đục trạm rất là tráng lệ nguy nga, nào bầu cử dinh (palais électorat) nào âm-nhạc đường (conservatoire de musique) cái thì có vẻ trang nghiêm, cái thì ra hình lộng lẫy; một mặt cây cối um tùm ra vẻ u-âm, tức là vườn *Bastions* (Promenade des Bastions) trong mình mệt, liền vào vườn tìm ghế ngồi nghỉ chân, thì thấy trong này có mấy tòa nhà của trường đại-học *Genève*. Cứ như ở thành *Paris* bên *Pháp* các trường đại-học ở cạnh ngay đường ô-tô chạy, tầu điện đi, có khi đóng cửa kính còn nghe thấy tiếng còi xe, thế mà trường đại-học *Genève* này ở ngay vào một nơi thanh vắng, khen cho kẻ đã lưu tâm về đường giáo-dục, không những muốn cho mở-mang tri-thức, lại nghĩ sao cho vui sướng cả tinh-thần, khi học xong mã học-trò ba bầy giạo chơi vườn, cùng nhau câu truyện văn-chương sách vở, thì còn vui thú nào hơn; vả những nơi tịch-mịch mới là nơi phát ra tư-tưởng cao xa. Cứ xem cái địa-thế của trường đó mà cũng có thể tưởng tượng ra được cái nội-dung về nền giáo-dục của nước ấy vậy. Trên tường cửa trước trường đại-học này có bia đề rằng: *nước Thụy-Sỹ liên-bang* (*Confédération suisse*) chắc có ý chỉ rằng tương-lai nước Thụy-Sỹ liên-bang sẽ vì tay bọn thanh-niên anh-tuấn trong trường đại-học mà được vẻ vang cùng các nước, lại láng biết bao nhiêu cảm tình; khi đến ngã *Rond Point* hỏi thăm nhà trọ thấy ăn mặc sang trọng, tưởng là phái bộ *Nhật* sang dự hội-nghị *vạn-quốc*, họ nói hết truyện ông *Yamata*, bà *Yamata* trọ bao lâu, đến truyện ông *Souchima*, bà *Souchima* ở phòng nào, sau cùng bảo vì ký-giả có một mình thì xin bớt đi, phòng một ngày bốn quan (1 quan Thụy-Sỹ ăn 5 quan Pháp), vì ký-giả trước có đến sở mách dùm cách ăn ở (*Bureau de renseignements officiels*) cùng là trước kia một người bạn *Thụy-Sỹ* đã kê các giá tiền cơm và phòng ở rồi; nay hàng cơm tính thế cũng là cải giá phải chăng, nên ký-giả cũng ưng thuận những khoản đó.

Cơm nước song rồi, 2 giờ chiều, định đến *Lư-thoa-học-viện* (Institut Rousseau) ở phố *Carl-Vogt*. Nào ngờ buổi mới lạ lùng vào nhầm ngay gian nhà của *Vạn-quốc-giáo-dục* (association internationale de l'éducaion) cô thư-ký hội Mlle B... giở ngay thuyết

giáo-dục của ông Thomas (Albert) muốn thế-giới hòa-bình thì trước hết phải tuyên truyền học-thuyết về sự hòa-bình. Cô tiếp đại thiệp liệp, ăn nói có duyên, song vì ít thì giờ nên nhờ cô dẫn sang bàn-giấy của *Lư-thoa-học-viện*. Ông bác-sỹ *Claparède* tức là nhà sáng-lập ra học-viện đó cùng là nhà chủ-trương ra tân giáo-dục lại không có mặt ở nhà vì ông đi công-cán bên *Ai-Cập* (Châu-Phi) lập trường đại-học giúp cho chính-phủ đó, nhân nói truyện cùng ông thay quyền bác-sỹ trông nom. Thoạt đầu nói truyện qua loa về việc bác-sỹ *Claparède* đi công cán, việc học-sinh ở học-viện, sau tôi có hỏi rằng: Bẩm ngài chúng tôi khi xưa có từng biết mỗ mẵng học thuyết của *Claparède* tiên-sinh trong quyển « *De l'enfant et pédagogie expérimentale* » *quyển* « *L'école sur mesure* » quyển « *Comment diagnostiquer les aptitudes des enfants* » cùng là quyển « *Un institut des sciences de l'éducations et les besoins auxquels il répond* » song còn điều nghi-vấn, nay nhân dịp qua *Genève* chơi muốn đến hỏi cao-kiến ngài. Thưa ngài chúng tôi vẫn rõ rằng *Claparède* tiên-sinh đã làm điên-đảo tư-tưởng trong giáo-dục-học, chẳng kém gì ông *Copernic* ngày xưa đã làm điên-đảo tư-tưởng trong thiên-văn-học; cứ như học-thuyết của *Claparède* tiên-sinh thì lấy tâm-lý của trẻ con làm đầu, lấy sự chơi học làm cốt, song trẻ-con mỗi đứa một tính một nết, việc lập một trường học và học-trò cùng học một cách, cùng làm một bài, thì sao cho tiện? Ông B... liền đáp lại rằng: học trò tuy làm một bài, song không hẳn rằng cùng học một cách. Sách vở nhà trường sếp đặt rất phân minh, rất thứ tự, khi học môn nào thì học trò tự tra cứu sách vở thuộc về môn ấy. Vừa rồi trong trường có ra bài, đầu đề là: Máy bay của ông Lindberg, mỗi lớp làm một khác, lại mỗi hạng học trò làm một khác, cao thấp cách biệt hẳn nhau. Đoạn ông B... đưa cho xem mấy cái máy do tâm-lý trẻ-con cùng là mấy bức đồ đo tâm-lý, lúc ấy đã ba giờ rồi, tôi liền xin cáo biệt ra về.

Buổi tối đến nghe ông X...phái bộ *Đức* diễn về vấn-đề thế-giới hòa-bình, đại-để ông nói muốn cho thế-giới được thái-bình thì phải tài giảm binh-bị, muốn tài giảm binh-bị, trước hết phải làm thế nào cho bàn dân thiên-hạ tin rằng không thể có cuộc chiến-tranh nào sẩy ra nữa, mà nếu chiến-chanh có sẩy ra cũng tin rằng có một cái lực kia nó có thể dàn-áp đi được. Lời nói nghe rất hùng-hồn mà nhất là khi nói đến nước *Đức* vẫn tin cuộc thế-giới hòa-bình cùng là vấn-đề tài giảm binh-bị thì lại càng hùng hồn thêm nữa. Thế mà đêm về nhà trọ giở nhật báo *Genève* (journal de Génève) ra xem, thì thấy một mục nói về *việc nghị-trường Đức đang bàn việc đóng thêm một chiếc tầu ngầm*. Gớm ghê thay! người *Đức*, miệng thì nói những hòa-bình, mà xét đến việc làm thì toàn những thủ đoạn chiến tranh kịch liệt, thế thì ta còn chắc gì có cái hạnh-phúc hòa-bình được.

(Sẽ tiếp theo)

Trần-duy-Đạm

THUỐC SỐT RÉT NGÃ NƯỚC

GIA-TRUYỀN RẤT THẦN HIỆU

CÁC NGÀI ĐI NHỮNG NƠI ĐƯỜNG RỪNG NƯỚC ĐỘC NÊN PHÒNG BỊ THỨ THUỐC NÀY

Bán tại hiệu **Liên-Huy** Giá bán mỗi lọ **0$25**

Phố **Hàng-Trống** *(Maréchal Foch) số 68 — NAM-DINH*

QUANG CẢNH MỘT NHÀ MÁY U'O'M Ở' CHỐN THÔN-QUÊ

(Làng Cổ-Chất, huyện Trực-Ninh, Nam-Định)

Nước biếc non xanh, phong cảnh tịch mịch, cảnh thiên-nhiên có thế mới thấy chỗ hữu-tình; lầu cao nhà rộng, máy móc rộn rầm, cảnh nhân-tạo không thế thời nguy cho sinh-kế. Vậy cảnh thiên-nhiên quý tĩnh, mà cảnh nhân-tạo quý động, là lẽ tự-nhiên. Nếu cảnh nhân-tạo không động mà tĩnh, thời không những ảnh-hưởng ngay đến nền ktnh-tế, mà lại còn tỏ ra cái vẻ tiêu-điều trước mắt du-quan, làm cho khách đi đường qua cửa máy tơ, nhìn trông non nước cũng phải ngẫn ngơ cho cái đời kinh-tế khó khăn này.

Thử xem ngay làng Cổ-Chất, thuộc huyện Trực-Ninh, xưa vốn người nhiều đất hẹp, rĩ nghệ thế canh, phần nhiều người làng đều làm nghề ươm, cứ sáng sớm ra, đàn ông lũ năm lũ bầy, quẩy vợt, xách cân đi các nơi mua kén; đàn bà trẻ con ở nhà đun bếp quay guồng; tối đến, kẻ lấy kén quẩy gánh về nhà, kẻ ở nhà mang tơ ra chợ; chợ họp về buổi tối, kẻ đi người lại tấp-nập rất vui. Kể trong làng có đến sáu bầy trăm bếp ươm, mỗi bếp một ngày ra tơ, giá độ năm sáu đồng bạc; tính đồ đồng mỗi ngày làng ấy ra được **một ngàn bạc**, một năm có **ba trăm ngàn đồng**, thật là một làng đại-công-nghệ ở tỉnh Nam-định này vậy.

Cũng vì đất thôn Cổ là nơi giầu nhân công, nên chi ông chị máy ươm Nam-định, trước còn phát guồng cho người ươm làng ấy để lấy tơ, sau đến năm 1922 mới mua đất đầu làng *Phương-Khê* giáp thôn Cổ-Chất để đặt nhà máy kếch-xù, gọi là « **nhà máy ươm Thôn-Cổ.** » Từ đây quang-cảnh một nhà máy ươm mới nẩy ra ở chỗ thôn quê.

Kể về **hình-thế**: nhà máy này diện-tích hơn 7 sào Annam, bốn bề bao bọc tường cao, nào nhà giấy hai từng, nào nhà ươm hai rẫy, to bằng hai cái nhà chợ rồng Nam-Định; sau có nhà máy cái, nhà sấy kén (étouffoire) và một cái ống khói cao chót-vót, trên ngọn có thanh sắt nhọn để thu sấm xét của giời, trông cái ống khói này đứng vào giữa thôn trang, nhà cửa úp súp, chẳng khác gì núi Tản-Viên đứng vào giữa gò đống, thật tỏ ra tôn-nghiêm hùng-vĩ biết là nhường nào!

Nói về **máy móc**: hai bên nhà giấy, mỗi bên đặt hai hàng bếp ươm; mỗi hàng có hai mươi nhăm bếp rút mối, và 50 bếp bỏ mối; mỗi nhà có hai hàng cánh guồng; nhà máy cái có một cái Chaudière rất to, một cái máy cái 15 sức ngựa, một cái máy phát điện đủ đốt 30 ngọn đèn, và một cái máy sấy kén, hễ nồi nước nóng, máy cái chuyển động thời bao nhiêu máy khác đều làm việc cả, trông rất thần tình, chả khác gì thân-thể người ta hễ quả tim phát động, thời trăm nghìn bộ phận khác đều nhờ đó mà chuyển-động, cơ-quan thật là tinh sảo.

Nói về **công việc**: Gà chưa gáy sáng, trống mới sang canh, đúng bốn giờ rưỡi sáng, tiếng còi tu tu, lảnh tai điếc óc, trong lúc đêm trường mờ mịt, làm cho tỉnh giấc anh em, chị em lao động trở rậy đi làm; đến 5 giờ lại còi báo một lần nữa là giờ bắt đầu đi làm việc, thôi thì nào giai, nào gái, nào trẻ con, người đông như chợ, kể có bốn năm trăm, kẻ rút gốc, người bỏ mối, lôi tơ, nghìn vạn cái ngón tay lanh lẹn bắt khoắt ở trên mặt nồi bán-nguyệt, cánh guồng lục lăng; rồi tiếng cười, tiếng nói, thỉnh thoảng lại pha lẫn câu sa-mạc xen vào giữa tiếng guồng ầm ầm, tiếng máy sình sịch, cùng dưới cái bóng đèn điện sáng choang,

khiến cho ai ai trông thấy cũng phải hiểu ngay cái thái-độ nhàn hạ vui vẻ của thợ-thuyền làm trong nhà máy ươm này. Thế mà, ngày nào cũng vậy, năm giờ làm, 11 giờ nghỉ; 12 giờ làm, 6 giờ nghỉ. Công việc có hạn, hiệu lệnh có còi, thật đã tỏ ra trật-tự và hoạt động biết là nhường nào!

Nói về **xuất nhập**: Tối đến, mỗi người buôn kén đều đến đầy sân, nào xấu, nào tốt, nào vàng, nào trắng, thi nhau cao hạ ở trên cán cân thăng bằng, rồi kẻ nài cao, người giả hạ, rất là phiền phức, cứ mỗi ngày phải cân 5, 6 trăm cân kén mà lại còn phải mua trữ mà sấy khô để phòng khi không có kén nữa, còn tơ mỗi ngày ra được 40 kilos, tính giá trung bình mỗi cân mười lăm đồng, một ngày xuất ra có 600$0 0; một năm tới 200 ngàn, thế mới biết sự xuất sản giầu thịnh là nhường nào!

Kể công việc trong nhà máy này còn nhiều *điều rất là phức tạp, song đây tôi chú trọng* về cái quang-cảnh thay đổi, nên chỉ kể qua, xin Khán-quan miễn trách. Nói tóm tắt cái nhà máy này đặt ở đấy rất có lợi cho người nghèo sẵn việc, phần thì chấn hưng nghề nuôi tằm, phần thì tiêu thụ được nhiều kén, làm cho giá tơ nam cao mà cái nghề ươm tay của làng này cũng dễ làm ăn, buôn bán vậy nhà máy này lập đây cũng không phụ cái câu tô điểm cho giang san xứ này vậy.

Cái quang-cảnh xưa tốt đẹp thế nào, mà đến nay bỗng dưng tịch mịch, làm cho kẻ cầm bút này cũng ngại ngùng không tả, là vì duyên cớ tại đâu? Người ta đã ví tơ như vàng, lại còn ví tơ như con gái đẹp, vàng và con gái đều quý, song con gái cũng có kẻ nhỡ thì; trước tơ bán về Lyon một cân được từ 5 trăm 4 trăm, 2 trăm quan; bây giờ chỉ có 130 và 140 quan. Ấy đó cô con gái nhỡ thì là thế, làm cho ảnh hưởng đến cái quang-cảnh nhà máy này, thậm chí nhà-nước đã cho tiền thưởng hai hào vào một cân kén, mà ông chủ cũng phải bó tay. Đã một năm nay, đành cho cái nhà máy này cửa đóng then cài, thợ thuyền hưu trí, buồn thay mà cũng ngán thay, mười năm nay sầm-uất thế nào mà bây giờ lại vắng tanh như thế! Bao nhiêu những quang-cảnh mà tôi kể ra trên đó, bây giờ chả cái nào ra thế nào cả rồi. Ống khói im hơi, chim hữu ý tìm nơi làm tổ; máy guồng đậy chiếu, nhện vô tình tiện rịp vương tơ. Ấy đã có một thầy ký trước làm ở sở này, sau hết việc đi Saigon, có câu thơ rằng:

«Còi máy năm nay vắng tiếng tu;
Thôi ươm, thầy ký ít lu bù.»

Tuy là một câu văn đùa, nhưng cũng đã tả được một hai phần sự-thực của cái quang-cảnh nhà máy này vậy. Nói cho đúng cái quang-cảnh buồn tênh như thế, không phải buồn riêng ở nhà máy này; mà lại còn nhà máy ươm Quy-Phú, nhà máy ươm Lạc-quần cũng chịu chung cái quang-cảnh tiêu-điều này nữa, cho đến cả cái nghề ươm guồng tay của ta cũng theo cái quang-cảnh ấy mà sút kém đi nhiều. Nếu giá tơ chợ Lyon, cứ sút mãi đi thế, thời ta sẽ trông thấy cái quang-cảnh phế nghiệp của nghề dâu tằm phát hiện ra ở xứ ta. Ai là người để tâm vào nghề tằm tơ, trông thấy cái quang cảnh này, cũng hiểu ngay là một năm nay ta đã thiệt thòi bao nhiêu tiền về tơ xuất-cảng, và đã làm cho bao nhiêu người thất-nghiệp; than ôi cái đời máy móc thua được rất nhanh, soay giở rất chóng, sinh ra nhiều cái quang-cảnh đáng tiếc đáng giận, đáng thương tâm, thôi

Đời nay lắm nỗi oái-oăm;
Biết đâu kể truyện con tằm vương tơ.

Vũ-tư-Cẩu

SAI-THANH NHAT-BAO
là tờ báo có giá-trị ở Nam!

BAC-KY THO'I-BAO
có lẽ cũng là tờ báo có giá-trị ở Bắc!

HÁN-VĂN DIỄN GIẢNG

日 月 如 流。

Âm. — Nhật nguyệt như lưu.

Nghĩa. — *Ngày tháng như chôi.*

Diễn. — Đây là một câu ở trong sử Bắc, lời nói của ông *Lưu-Bị*. Ông Lưu-Bị trong khi chưa có đất Ba-thục, bị Tào-Tháo đánh thua chạy, ở nhờ Lưu-Biểu ở Kinh-châu mấy năm, nhiều lúc đương ngồi đứng dạy đi ra sau, cảm thương thân-thế đến nỗi chảy nước mắt. Lưu-Biểu lấy làm lạ mà hỏi.

Ông Bị nói: « Tôi lúc khác, mình thường ở luôn trên yên ngựa, thịt ở hai bên vế đều tiêu hao; lâu nay không cưỡi đến ngựa, thấy ở vế lại sinh nhiều thịt ra. *Ngày tháng đi như nước chôi*, mà công-nghiệp không làm nên được gì, nghĩ thế cho nên cảm thương thân-thế vậy.»

. . .

苟 日 新。日 日 新。又 日 新。

Âm. — Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hịu nhật tân.

Nghĩa. — *Ví dù có một ngày mới, ngày này ngày khác mới, lại cứ mỗi ngày một mới.*

Diễn — Mấy câu đây, chữ trong sách Đại-học, lời khắc ở cái chậu tắm của vua Thang. Vua Thang ngày xưa là một ông vua anh-hùng, đạo-đức, chí tiến-thủ rất mạnh, ông có khắc chữ vào cái chậu tắm để thường nhắc mình, lúc nào cũng phải cần sự tiến-thủ, tức là mấy câu dẫn ở trong sách Đại-học như đây. Nghĩa là: « *Người ta nếu đã có công một ngày làm cho mới mình, thời nên rằng ngày này ngày khác đều làm được cho mới, lại cứ mỗi ngày làm cho được mới mãi.* » Lời khắc vào cái chậu tắm như thế, nói về nghĩa *tắm* thời mỗi ngày tắm gội cho được thường mới thân-thể; nói về nghĩa đạo đức thời mỗi ngày phải xửa mình cho đức tính được quang-minh. Xuy ra nghĩa tiến-thủ mà xem, tức như câu « quân-tử tự cường bất tức » vậy (1)

日 知 其 所 亡。月 無 忘 其 所 能。可 謂 好 學 也 已。

Âm. — Nhật tri kỳ sở vô; nguyệt vô vong kỷ sở năng. Khả vị hiếu học giả dĩ.

Nghĩa. — *Ngày, biết cái điều ở mình không có; tháng không quên cái sự của mình đã hay. Như thế, có thể gọi là chăm thích sự học vậy.*

Diễn. — Mấy câu đây, chữ trong sách Luận-ngữ, lời của học-trò đức Khổng là ông Tử-Hạ. Nghĩa rằng: Hằng ngày nhận biết những cái điều hay mà mình chưa có được; hằng tháng không quên những cái điều hay mà mình đã làm được. Thường hay xét nét mình như thế, thời lúc nào cũng để chí về sự tiến-thủ, có thể gọi là người có chí thú về sự học để lập thân vậy. — Tại nhà quốc-học bên nước Hoa-kỳ, có cheo yết những câu cách-ngôn của các nước Âu, Á, về trong sách của Trung-quốc thời lấy mấy câu này. Vậy thời mấy câu Hán-văn đây, tưởng cũng là có chút giá-trị vậy.

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Xem ở Bản-chí số 15 trang 3

Được tin anh bạn đồng-nghiệp BẮC-KỲ-THỜI-BÁO ra đời

Báo-giới ba kỳ buổi cạnh-tranh,
Tranh nhau bút sắt múa tung-hoành.
Bắc-kỳ đồng nghiệp bao nhiêu bạn;
Thời-báo ra đời lại có anh.
Dẫu sẵn mực đen cùng giấy trắng,
Nhường sao nước biếc với non xanh?
Nam-thành tiến thủ cơ-quán mới,
Tương tế mong ai một mối tình.

TẢN-ĐÀ

VIÊT-NAM NHI THAP THÊ-KY

XÃ-HỘI THIỂN ĐÀM

Kỳ Tạp-chí số **16**, trong bài "*Chí-nguyện của một ông quan lang trên Hòa-bình, Quách-Điêu,*" có nói sự cải-lương của ông *bắt đàn bà con gái trong địa-hạt đều phải húi tóc cả.* Sự đó cũng là tôi mới được nghe truyện, mắt chưa được trông thấy hẳn, song có thể tin câu truyện người ta nói là có. Vì sao? Xem cái chí-nguyện của ông Điêu đối với sự dậy quốc-ngữ cho nhân-dân, thời biết cái mãnh-lực của ông trên con đường tiến-thủ; thời như sự bắt đàn bà con gái húi tóc, cũng chẳng đủ cho là quái lạ gì. Việc đời thường vẫn phải đến thế, mà có kẻ nói ra trước, làm trước, đi bước trước, thời chúng-nhân không khỏi lấy làm kinh-nghi. Sự kinh-nghi của chúng-nhân, chẳng qua chỉ là làm cho tôn cái giá-trị cho những người nói trước, làm trước, đi bước trước đó mà thôi. Việc đời ra sao, rồi cứ phải đến thế.

Xem như trong xã-hội ta khoảng hai mươi năm trước, một sự học quốc-ngữ, và đàn ông con giai húi đầu, để răng trắng, còn là bị chúng chê bơi. Có ông Cử vì không nói được tiếng «r» mà bỏ trường hậu-bổ, về nhà làm thơ chế riễu, cho là sự "*liếm lọ, liếm tường.*" Có người đàn ông vui cùng bạn đi húi đầu, mà về nhà bị vợ bỏ. Chàng rể đến nhà vợ làm lễ cưới, vì răng trắng, chúng cười là "*hàm răng sáng một góc nhà.*" Những sự chế riễu chê cười đó, đến nay coi lại, đã thấy là vô vị biết bao; thời như câu truyện húi đầu của đàn bà con gái ngày nay, liệu tưởng chỉ độ 15 năm giờ về sau, sẽ thấy như đàn ông con giai húi tóc trắng răng vậy. Đàn bà con gái Tầu hiện nay, sự húi đầu đã coi là thông-tục. Người nước ta đại-đề rồi việc gì cũng theo chúng; duy chỉ có người ta đi bước trước đã mãi, rồi mình mới chịu theo mà thôi.

Một sự trang-sức về "*bộ đầu*" của đàn bà con gái nước ta, rất là đáng ghét! mà đáng ghét nhất là việc *đầu tóc* của đàn bà con gái ở xứ Bắc! Đàn bà con gái xứ Bắc, mỗi buổi sớm, chải được một cái đầu, đội xong một cái khăn, mất không biết bao nhiêu là thì giờ. Nhất là những người bận con mọn, con khóc mặc con, hãy chải lấy cái đầu, đội xong lấy cái khăn cho được như ý, làm cho người ở bên cạnh nghe tiếng đứa trẻ khóc và trông thấy cái ráng bộ chải đầu, đội khăn đó, sốt ruột không biết là chừng nào! Thời buổi khó-khăn này, trong một nhà, ai nấy đều nên phải tiếc cái thì giờ mà để dùng về sự làm ăn, mới mong có sinh-tồn với xã-hội; trong xã-hội, ai nấy cũng đều nên tiếc cái thì giờ mà để dùng về sự làm ăn, mới mong có sinh-tồn với thế-giới. Nay nếu đem một số người không ít, ngày chỉ bận về sự chải đầu, rẽ tóc, vấn khăn mãi mãi, thực thiệt hại cho gia-đình xã-hội biết bao. Một sự đội nón, gần đây đã nhiều người theo lối Kinh, thời sự vấn khăn sau này cũng ắt đổi thay vậy.

Nhân sự vấn khăn, lại nghĩ đến cả cách ăn mặc của đàn bà con gái trong ba kỳ. Nước ta có câu rằng: « *ăn bắc mặc kinh,* » là cho sự ăn của xứ Bắc làm sành, mà sự mặc ở trong Kinh là lịch. Câu đó ngẫm thật phải. Cứ sự mặc cục đàn bà con gái ở Huế, rất dản tiện mà thanh lịch. Khi tôi mới vào chơi trong Huế, thấy một đội nữ-học-sinh đi học, quang-cảnh rất là khả-quan. Lại như có người mặc áo lụa bạch, đeo kiềng vàng, mà ngồi trên cái xe tải đi ở trong thành-phố; cũng có người ăn mặc như thế, mà gánh đôi cái rành, trong đựng nải chuối xanh và đôi ba quả rưa, đi

ra chợ Đông-ba. Trông đều là có vẻ thanh-lịch. — Những người phong-lưu ở Nam, sự ăn mặc cũng giống như kiểu Huế, mà áo mặc quá dài, trông không khỏi có vẻ lượt-thượt. Phần người lao động trong phụ-nữ-giới trong ấy, ăn mặc quần áo ngắn, vải thâm tây, trông không khác đàn ông con giai, rất có ráng khoẻ mạnh. — Những đàn bà thôn quê ở xứ Bắc, đi gồng đi gánh, mà ăn mặc rất là lượt-thượt; nhất lại những bà chánh bà lý đi chợ, thướt-tha kẽo-kẹt, bộ điệu rất là khó coi.

Tóm lại sự ăn mặc của phụ-nữ nước ta, hạng người phong-lưu nên theo kiểu ở Huế, hạng người lao-động nên theo như Saigon, có nhẽ hơn cả. Sự ăn mặc là phần nhỏn trong quốc-tục, nếu châm-chước theo nhau được, thời trước là tiện lợi, sau nữa được tỏ tình thân-mật, không coi nhau kẻ bắc người nam.

Lại nghĩ về sự **đầu tóc** của đàn bà con gái, thế nào rồi cũng đến phải húi. Tiếc rằng trong quốc-dân không được có nhiều người như ông Quách-Điêu, cho nên sự tiến-thủ còn chậm. Nhớ khi xưa Nhật-Bản duy tân, nhà nước hạ lệnh cho nhân dân đều phải đổi theo cách ăn mặc của Thái-tây, tức là mặc theo lối áo ngắn; sau khi lệnh hạ đúng kỳ là bao ngày, ngoài đường có đội lính tuần-cảnh riêng, tay cầm kéo, phàm thấy người nào còn mặc áo dài thời cứ việc cắt bỏ nửa dưới, như thế mới gọi là tiến thủ một cách mãnh liệt. Các sự tiến thủ đuề mãnh-liệt như thế, cho nên Nhật-Bản mới chóng thành công-hiệu duy-tân.

Trông thấy người ta đi nhanh, càng tỏ ra là mình đi chậm. Con đường tiến-thủ, quốc-dân ta còn lậm-cậm! Sốt ruột chăng? ai tá! Chiếc thuyền ván nát, chẳng dậm, thời thuyền chẳng có đi!...

Nguyễn-khắc-Hiếu

Quốc-dân An-nam!
Tạp-chí An-nam!

Nói về sự tiến-thủ của người nước ta mà có cái thái-trạng rất mãnh-liệt, rất hùng hồn, thời tưởng không có sự gì bằng một sự **ăn tết.**

Gần đến ngày tết, trông ở ngoài đường, tưởng như đại đa số quốc-dân đồng-tâm lực lực để đối với một địch-quốc rất to lớn, để chiến-tranh sinh-tồn; mà nào những anh-hùng hào-kiệt, tráng-phu tử-sĩ, liệt-phụ hiệp-nữ, ở đâu túa ra thật đông, thời là những người đi chạy tết, lo tết, sắm tết vậy.

Những sự lo chạy xắm-xửa về tết đó, đạt mục-đích phải có những phẩm-vật, chẳng nhiều thời ít, phần cúng lễ, phần giao-tiếp, phần ăn uống, phần may mặc, phần thiết-dụng, phần trang-hoàng, chẳng ai bắt ai mà như thể cứ phải có; giầu sang nghèo hèn, tùy theo trình-độ mà phải lo. Người giầu sang thời lo cách phong-lưu; kẻ nghèo khó thời lo cách khốn-khổ. Sự lo đó rất là trung thành, có khi bỏ cả lễ nghĩa liêm sỉ mà lo cho lấy được, lo mãi cho đến hết nửa đêm hôm ba mươi tết thời mới thôi. Sang ngày mùng một thời thôi không ai phải lo nữa.

Cái kết-quả của sự lo đó, tức là cái hạnh-phúc dồn lại ở trong mấy hôm tết, đại-khái như câu thơ của ông tú Xương rằng:

« Phong lưu đệ nhất ba ngày tết,
Kiết sác như ai cũng rượu nhè. »

Rồi mà lá bánh chưng đỏ ra chuồng lợn, sác pháo đốt quét ra bờ tre, cúc chậu phai vàng, đào cành nạt thắm, năm mới thấm-thoát đã thành ra năm cũ; những ai lo chạy trong năm đó, đầu tóc có bạc thêm ít nhiều?

Nghĩ như một sự ăn tết của ta, là *quốc-tục*, mà cũng là *tôn-giáo*. Những người phong-lưu ở tỉnh-thị, tiệc tùng thết đãi nhau luôn luôn, trong một tháng biết bao ngày tết. Ở thôn quê, ông Tổng ông Lý, đám sách phần phò đã lắm; lại công việc quan lên tỉnh lên phủ, quán hàng cơm rượu không vừa. Rút lại chỉ

những thằng lưng cao khố đen, cầy sâu vác nặng, mỗi lúc đã có tiền dâu mua con cá, miếng thịt, mà nhai ở trong mồm. Một đôi khi công-dân tiệc-lệ, tư-gia khao, mấy đĩa mỡ heo là bổn-phận. Bởi vì thế cho nên nên có tết.

Tết, đã sinh ra có cỗ bàn ăn uống, mà nếu không có cúng ông bà ông vải, thời nhẽ sao cho đang? Bởi thế cho nên tết có cúng.

Tết đã có cúng thời sự cúng lại là trọng, cho nên « trước cúng sau ăn », nhân năm giời mà nhớ đến tổ tiên, thừa huệ tổ để vui cùng gia-thất, quanh năm tối mặt, chén rượu khà xuân. Qua đó rồi lại vác nặng cầy sâu, trâu lại trâu, ngựa lại ngựa. Nghĩ vậy thời một sự ăn tết của một hạng đại đa-số bình-dân ở thôn quê rất là có ý vị! Hoặc ai có lo chạy cho được *« phong lưu ba ngày tết »*, thực cũng là sự-lý chánh-đáng thay!

Tuy vậy, trong thế-gian, sự-thực với nhẽ phải, thường không đi với nhau. Những *hạng bình-dân ở thôn quê*, nên có ăn *tết thời khó lo* cho được tết. Những *người phong-lưu ở tỉnh-thị*, không cần phải ăn tết, mà lại cũng cứ phải có tết, Nhớ năm ngoái tôi ăn tết ở ấp Đồng-Sành gần Hải-phòng, khoảng chưa hôm ba mươi tết, các nhà trong ấp đã dộn sự mổ lợn cùng là tiếng dã giò, mà ngoài bờ ruộng kia còn vẫn có những người đi mò cua, mò rạm; hỏi ra thời là những người ấy đi kiếm cua, kiếm rạm, mong đem ra chợ bán để kiếm tết. Than ôi! — Nhân tôi lại nhớ trong khi ăn tết ở Hàng-Lọng Hanoi, nghe một người bạn nói truyện: có một người bạn của ông ấy, trọ ở xóm gần Ga, cũng là hàng ông Phán, nhà là nhà trưởng, hơi giầu có, con giai con gái không có; theo sự thường về việc tết, cũng phải làm ra bốn năm mâm cỗ mới đủ về sự cúng và mới hợp phong-thể. Chiều hôm ba mươi tết thời mấy đứa đầy tớ giai gái xin phép về cả. Qua ngày mồng một, thành ra chỉ có hai vợ chồng ông Phán, mà bốn năm mâm cỗ, sự cúng song đã đành, mà ăn sao cho hết; lại ngày tết cũng không tiện biết gọi ai mà cho. Vậy rồi bao nhiêu những *vây, bóng, hải-xâm, long-tu*, cứ nguyên bát cho cả vào trong thùng nước rác. Nhân-sự oái-oăm như thế, nghĩ cũng là buồn thay!

Cứ sự ăn tết của ta mà viết lên trong mục *Thiền-Đàm* đây, thời phiền-phức vụn vặn, nói đến hết xuân cũng không hết. Tóm lại chỉ nên biết: hiện-thời xã-hội Việt-Nam ta đương thời-kỳ *tiến-thủ*, mà chưa phải là lúc *hành-lạc* (1), thời tết nhất cũng chỉ nên qua-loa cho gọi là đủ *quốc-tục* và *tôn-giáo*, để cái tâm-lực lo tết của đại-đa-số quốc-dân ấy mà nhất hướng (2) lo về sự tiến thủ, như trong hồi Nhật-Bản duy-tân, thời non nước Lạc-Hồng sẽ thật có thập phần xuân-sắc vậy.

Trông thấy người ta đi nhanh, càng tỏ ra là mình đi chậm. Con đường tiến-thủ, quốc-dân ta còn lậm-cậm! Sốt ruột chăng? ai tá! Chiếc thuyền ván nát, chẳng dậm, thời thuyền chẳng có đi!

Nguyễn-khắc-Hiếu

---

1) **Hành lạc** — 行樂 — *Lắm sự vui.*

2) **Nhất hướng** — 一嚮 — *Hướng cả về* một chiều.

THÊM SỨC MẠNH CHO LOÀI NGƯỜI,
TRỪ TUYỆT CÁI HẠI VÔ CÙNG CHO XÃ-HỘI

Không gì bằng:

Thuốc bổ phổi

Hiệu THẦN-TIÊN

Kiêm trị các chứng đau phổi, ráo phổi, ho đờm, ho khan, ho ra huyết, ho lâu thành lao, mất tiếng, ngứa cổ.

Mỗi lọ 0$30

Môn thuốc Thần-tiên

Tổng cục: 123 Phố KháchNam-Định

NGƯỜI AN-NAM
Ở VÂN-NAM-PHỦ

Ở *Vân-Nam* kể từ *Chấn-Phòng* giáp giới *Lao-Kay* số người đồng-bang ta đại ước có tới 4, 5 ngàn người ở rải rác theo rọc con đường *Điền-Việt* thiết-lộ, ở *Montzeu* (*Mông-Tự*) *Amichéou* (*A-Mễ-Châu*), *Vân-Nam-Phủ*.

Người **đồng-bang ta ở Vân-Nam** đông như vậy, là vì đi buôn bán làm ăn ở *Mông-Tự*, *A-Mễ-Châu* và *Vân-Nam-Phủ*, nhất là những người làm công cho công-ty xe lửa lại càng đông lắm nữa.

Có đi xe-lửa lên *Vân-Nam* mới biết rằng những nơi hẻo-lánh rừng-rú chỗ nào cũng có người *An-Nam* ta ở cả.

Chính ở *Vân-Nam-Phủ* thì số người *An-Nam* ta ước chừng vài trăm mà thôi.

Người *An-Nam* ta ở *Vân-Nam-Phủ* phải lấy giấy căn-cước ở phủ *Lãnh-Sự* của nước *Pháp*. Những người làm việc quan thì *Lãnh-Sự-Phủ* cấp cho, không lấy tiền. Những người cùng quẫn *Lãnh-Sự-Phủ* cũng cấp cho không bắt giả tiền. Ai xuôi ngược phải xin giấy thông-hành ở *Lãnh-Sự-Phủ*.

Nói về buôn bán thì ở đây *An-Nam* ta không có cái thương-cục nào to tát cả. Chỉ buôn bán lặt vặt với nhau là nhiều.

Duy chỉ có một hiệu bán ghế mây, ghế vấn thừng, mắc áo, các đồ dùng về xe kéo xe đạp là có tư cách một đại hiệu. Hiệu này là hiệu Tân-Tiến; ông chủ là M. Vũ-đăng-Tiến có nhiều hiệu ở *Hanoi*, *Vinh*, vân vân... Mỗi năm ông lên trên này một hai lần. Còn việc giao-thiệp buôn-bán thường, thường bán cất cho khách thì ông phó thác cho một người đàn bà quản-lý của hiệu cho ông. Bà này tục thường gọi là bà *Tư-ô-xéc*. Khen thay ông *Vũ-đăng-Tiến* là một nhà buôn giỏi. Ông không quen biết ai ở *Vân-Nam*. Thế mà ông lên đấy lập thương-điếm. Bơ-vơ đất khách, ông gặp một người đàn bà là bà *Tư-ô-xéc*; khi nói chuyện biết rằng bà này có thể buôn bán được. Ông bèn mở cửa hiệu uỷ thác cho người đàn bà này rồi xuôi về.

Từ bấy đến nay hàng hóa tiêu thụ được nhiều, cửa hàng phát đạt. Đi qua cửa hiệu nom vào ai không biết cũng tưởng là hiệu tạp-hóa tầm thường không có gì ra giáng một đại-hiệu; mà hiệu này cũng ẩn vào một xóm nhỏ, chứ không trương hoàng ra ở dữa một phố buôn bán lớn, thế mà tiền hàng bán cất cho khách mỗi tháng cũng được một số bạc tây to lắm. Cứ xem hiệu ghế mây đó cũng có thể nhận biết được rằng người *An-Nam* ta bây giờ cũng biết bắt trước được *Âu*, *Mỹ* đi đặt thương-điếm ở nơi hải ngoại đem đồ bản-quốc ra bán cho nước ngoài phần thu được lợi lớn, phần thì các đồ vật mình chế tạo ra không đến nỗi ứ lại ở trong nước. Lại còn tránh được một sự thiệt thòi nữa là không cần người *Tây* người *Tầu* làm môi-giới cho mình, lợi tức mình được hưởng cả họ không thể cướp được một phần lợi lớn của mình, có khi hàng hóa của mình mà khi bán ra ngoại-quốc phải qua tay người *Tầu* người *Nhật* biến thành hàng *Tầu* hàng *Nhật*, chứ người ngoại-quốc không biết là hàng *An-Nam* ta nữa.

Ta biết đi mở thương-điếm ở nước ngoài thực là một điều đáng mừng cho cái tiền-đồ thương-mại của ta. Ông *Vũ-đăng-Tiến* không những thạo về việc buôn bán và đối với việc nghĩa ông cũng giầu lòng tư trợ nữa. Năm nọ ông lên *Vân-Nam* thấy nói hội **Việt-Nam-Tương-Tế** của người *An-Nam* ta mới thành-lập. Ông quyên ngay cho hội 200$00. Tấm hảo-tâm ấy thực quý-hóa thay! (Còn nhiều người quyên tiền cho hội và công đi quyên giúp hội.)

Ngoài ra các nghề của ta ở đấy thì cái số hàng thợ may chiếm được một phần to hơn hết. Các hiệu thợ may cũng sàn sàn như nhau cả chứ cũng không có hiệu nào to tát đặc biệt lắm. Có nhiều người mở hiệu tự mình đứng làm chủ. Nghề may là nghề lợi hơn cả, vì may cho *Tây* cho *Ta* và nhất là cho *Khách*

nhiều lắm. Nhưng người *Khách* lịch-sự giầu có thì ưa mặc theo lối *Tây*. Nhà binh thì may quần áo cho lính. Áo ba-đờ-suy thì may quanh năm vì ở đấy lạnh nhiều nóng ít người khách thích mặc. Về việc thương-mại cạnh tranh của người mình ở đấy tôi cũng đã thấy một vài việc đáng chán không phải tôi nói rằng bao nhiêu người thợ may ở đấy đều có cái thói tranh-dành hèn mạt cả đâu; phần nhiều người làm ăn đứng mực cửa hàng tróng phát-đạt lắm, cũng có người không học theo thói cạnh tranh nhỏ nhặt không biết rằng người *Tây* người *Tầu* bảo nhau giữ lấy cái giá hàng nếu có thể chiếm được độc-quyền về một thứ hàng gì thì họ quyết chiếm lấy. Còn người mình thì không thế.

Có một lần người *Tây* đặt người thợ may *An-Nam* may mấy trăm cái sà-vệt (khăn ăn) giá cả hai bên châm chước song đâu vào đấy rồi; người hàng xóm người thợ may ấy là người thợ may khác, cất lẻn đến nhà người *Tây* kia thầu việc may sà-vệt mà chỉ xin lấy một nửa tiền cái giá mà người *Tây* đã định với người thợ may kia thôi. Thấy dẻ thế tội gì người *Tây* không ưng cho làm? Thành thử một người thợ may thì mất việc mất lời, một người thì làm lỗ vốn mất công. Ấy cái thói ganh lợi-quyền với nhau thế là thói xấu.

Lại còn một việc nữa cũng đáng buồn: Số là những người khách đây ta thường gọi là *xa-phang* may nhiều áo ba-đờ-suy lắm. Mà áo ba-đờ-suy của họ giài lê-thê chấm gót chân. Cho nên ta thấy người mình ai mặc áo ba-đờ-suy hơi giài thì bảo là áo *xa-phang*. Hai ba năm về trước đây có mấy hiệu khách bán len dạ thấy khách *xa-phang* ở đấy và khách ở chung quanh *Vân-Nam* mua nhiều áo ba-đờ-suy quý hồ vừa ý cần dùng đắt mấy cũng không quản ngại. Mấy hiệu ấy đưa len dạ đến từng súc thuê thợ may ta may nhiều áo ba-đờ-suy để sẵn; hễ khách đến mua là họ có áo bán ngay, không phải chờ đợi thợ may mất thì giờ, bởi thế mà các hàng len dạ đại phát-tài. Mà các hiệu thợ may ta cũng chiếm được nhiều; sau vì mấy kẻ không biết bảo nhau, làm cho người khách sinh tình họ bớt mãi tiền công đi. Chung quy cái nghề may áo ba-đờ-suy không kiếm ăn được nữa!

Cũng có người buôn lê-ghim (légumes) các thứ rau như cải bắp, cải trắng, khoai tây, đậu, ngô, lê, lựu, đào, v. v. nghề này tuy là nhỏ mọn mà vốn cũng phải nhiều, lợi cũng lắm. Chuối của ta mang lên trên này, *khách* họ quý lắm. Đến mùa vải, mùa nhãn, một ít người đàn bà ta đem lên bán lẻ được lợi nhiều. Có điều này cũng nên chú ý là những quả nhãn, quả vải, quả chuối, thời giá ở dưới ta thì vất đi không ai buồn nhặt, mà ở đấy họ cũng mua ăn, có lẽ là mình có nhiều mà mình coi thường, họ không có mà họ quý chăng. Xét ra nhà buôn ta chưa biết nhân cái sở thích hay sự nhu yếu của người ngoại-quốc mà đem hàng đến hoặc chế đồ vật ra để bán cho họ: vải, nhãn, dưa, chuối ở đấy bán đắt lắm. Giá ta đem phơi khô hoặc sấy đi, hoặc đóng hộp mà chở lên bán thì cái nguồn lợi không phải là nhỏ...

Chiều nào cũng có nhiều người ra đón xe lửa để mua những hàng ở dưới ta thường ở *Lao-Kay* gửi lên phần nhiều là những thức ăn.

Trong số dân *An-nam* ta ở đấy cũng có ít người đàn bà sinh nhai về nghề buôn thúng bán mẹt, buôn bán tấm bánh mớ rau, quanh quẩn với người *An-Nam* ta là phần nhiều. Những người làm ăn tiết-kiệm cũng đủ phong-lưu, đủ cung cấp cho gia-đình sung-túc.

Cũng có mấy bà đảm-đang xuôi ngược buôn bán. Buôn vàng, buôn bạc, buôn dạ, buôn hàng tấm, buôn đồ đồng ... Giá mà thuế đoan không nặng lắm thì cái lợi còn khá hơn nữa. Ít lâu nay có một người bếp ta trước đi làm với tây, rồi nấu ở các hiệu cơm *khách*, nay về mở một hiệu cơm *tây* ở phố *Hủ-Cộ-Cái* 護國街 tự mình đứng làm chủ, tự mình nấu cho khách ăn. Người *ta*, người *tây*, người *tầu*, ai vào hiệu cũng hết sức tiếp đãi tử tế.

Hàng cơm này nghe chừng cũng có phần phát-đạt, vì chủ hiệu quen khách *xa-phang* nhiều mà người mình cũng chiếu-cố đến cả. Có mấy ông thầu khoán như ông *Ba-Tâm* chủ hiệu *Nam-Hưng*. Ông thầu khoán việc làm nhà, ông có hiệu làm đồ gỗ.

Ông *Ba-Tâm* là người thầu khoán đứng đầu, khôn khéo, trường vốn. Ông thầu với *Tây* với *Tầu* được nhiều việc to. Công việc của ông làm ăn được chu-tất phát-đạt cả. *Tây*, *Tầu*, và *Ta* đều có lòng vì nể cả. Kể như ở đất khách này ông cũng là một nhà phú-thương giỏi-giang đáng khen.

Ông *Hoàng-Đình* cũng là một tay thầu khoán lão luyện. Ông lên *Vân-Nam* hơn 30 năm nay từ khi chưa có đường xe-lửa, ông này vẫn thường thường thầu công việc của người *Tầu*, và người *Anh*, *Mỹ*; nhưng xem ra cách sinh-lý cũng bình thường thôi.

Ông *Cai-Minh* chủ hiệu máy sắt *Trương-Nam-Minh*. Khen thay cho ông này cũng giỏi, chỉ vì cái tài giao-thiệp khôn khéo mà được bao nhiêu người bỏ của ra giúp đỡ ông nhiều. Ông *Cai-Minh* là một ông chủ một cái công xưởng, có bàn giấy, có thư-ký, có máy nói, Ông toan bốc giời, chẳng may ông tính một đàng ra một nẻo đến nỗi cách đây ba năm ông bị một phen tài-chính rất là quẫn-bách. Từ đấy ông nhẫn nhục hàn gắn cho đến bây giờ xưởng thợ của ông đã được thịnh-vượng, trong xưởng làm ăn đã có vẻ xầm-uất. Ông này tuy vậy cũng được cái tính tốt thấy đồng-bào nghèo khó, hoặc không có việc làm thì sẵn lòng cưu mang.

(Còn nữa)

Vũ-văn-Lễ

Grand Hotel Nam-Viêt
NGUYÊN-TUYÊN
Directeur - Propriétaire

NÊN CHÚ Ý !!!...
NHÀ KHÁCH-SẠN BA TẦNG CÓ GARAGE ĐỂ Ô-TÔ, BUỒNG TRỌ RỘNG RÃI SẠCH SẼ Ở CON ĐƯỜNG HAIPHONG THẲNG CỬA MÁY TƠ RA LÀ
KHACH SAN NAM-VIÊT
TIẾP ĐÃI RẤT LỊCH SỰ
THAY ĐỔI MÓN ĂN LUÔN
NHẬN LÀM CÁC ĐẠI TIỆC
ĐƯA ĐẾN TẬN NHÀ

TÉLÉPHONE 89
ADR. TÉLÉGRAPHIQUE
NGUYÊNTUYÊN NAMDINH

HÀI-ĐÀM

Cái báo

Hà-nội ngày mùng 5 tết, hai cô thiếu-nữ đứng chơi xuân ở cửa, thấy thằng bé bán báo, một cô em gọi để mua; cô chị gạt ngay đi mà bảo rằng:

— Không! Không mua!!

Cô em: Tại sao?

Cô chị: Năm mới, ai lại rước cái *báo* về nhà!

— Em muốn mua xem có bài thơ *xuân* nào hay không?

— Làm gì có! Những bài thơ hay, người ta gửi đăng ở Tạp-chí cả; thơ đăng báo hàng ngày, chỉ là những thơ nhảm, có gì mà xem!

— Để em thử mua xem có thời sự-gì hay không vậy!

— Thời-sự thời lại chỉ những «kẹp xe điện, — vứt xác, — ngã ô-tô...» Thời để dành tiền mua Tạp-chí mà xem. Bao những thời-sự đáng xem, người ta có trích đăng ở Tạp-chí hết cả.

Năm mới đừng có mua *báo*!

Tản-Đà

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP THẾ-KỶ

Xã-Hội Ba-dào-ký

Ngựa người và người ngựa

Đố ai biết anh **phu-xe** đương lững thững dắt cái xe không ở đằng ngã-tư đầu phố kia, đi như thế từ bao giờ đấy?

Trông anh ấy có vẻ đón khách lắm. Có lẽ thế thật. Vì ai lại tám giờ tối ba mươi tết rồi, còn lang thang phố nọ sang phố kia thế! Mà hàng phố, nhà nào nhà nấy đóng cửa cả rồi, còn mấy ai ra ngoài đường làm gì, mà còn hòng làm một « *cuốc* » tất-niên!

Ấy thế! Giả xe cho song quách, về mà hủ-hí với vợ con có hơn không, tội gì! Vợ anh, con anh, đương chờ anh ở cửa đó nọ. Năm hết tết đến rồi, còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi, chứ có lâu-la gì?

Ấy, giá trong túi có nặng cái đồng tiền thì chả phải bảo, anh ta cũng về nhà cho xong quách, việc gì còn phải vơ-vẩn vẩn-vơ như thế này! Khốn như anh ấy vừa mới ốm dậy, ốm một trận tưởng mười mươi chết, thành ra không những mất một dịp kiếm tiền vào lúc cuối năm, mà bao nhiêu tiền dành dụm trong bấy lâu sạch-sành-sanh cả.

Bởi vậy hôm nay anh ấy cố vay được cái vốn để đi mua xe, kiếm bữa gạo để ăn tết.

Quái không hiểu cái ngày nay là ngày gì, mà từ chiều đến bây giờ anh ấy mới được có hai hào chỉ! Ban chiều, khách áo gấm, áo nhung, đi nhan nhản ở đường, mà mời mỏi miệng, cũng không có một ai lên xe, nữa là bây giờ! Bực nhất là thỉnh thoảng lại lẹt đẹt tràng pháo nổ, làm cho anh ấy nóng cả ruột gan. Nghĩ đến cái cảnh tết nhà giầu mà thèm rỏ rãi. Họ quăng tiền đi về dịp tết, thi nhau tiền trăm bạc nghìn để xa phí vô ích, mà mình thì lo méo mặt mấy hào bạc gạo ngày mai không xong.

Thỉnh thoảng anh ta giỏng tai quay cổ, xem có ai gọi ở đằng xa hay không, thì chỉ thấy đánh đẹt, lòe một cái ở giữa đường, làm cho anh ta rật mình đánh thót. Rật mình rồi lại thở dài, ngán cho nỗi cái đời bấp-bòng, lắm lúc muốn quẳng phăng cái xe đi mà làm nghề khác. Nhưng bỏ nghề này thì xoay ra nghề gì?

Anh ấy đi lững thững như thế, qua hàng Trống, quặt ra phố nhà Thờ, xuyên thẳng ra lối nhà thương Phủ-Doãn, thì bỗng đứng dừng quay cổ lại nhìn.

— Xe!!

— Đây!!

Ba chân bốn cẳng, anh ấy chạy vội lại phía người gọi, hạ hai càng xuống:

— Bà về đâu?

Một bà trạc độ ngót 30 tuổi, mình mặc xa tanh nâu, đầu quàng khăn bịt trắng, bỏ giọt xuống tận bụng, đứng ở đầu hè.

— Anh có đi giờ không?

— Bà đi mấy giờ?

— Một giờ.

— Xin bà sáu hào.

— Sao anh lấy đắt thế? Hai hào!

— Thưa bà, xe ngày tết vẫn thế, vả lại bây giờ còn ai kéo nữa, mà bà giả dẻ thế. Con kéo bà một chuyến, rồi cũng đi giả xe, về ăn tết đây!

Bà khách thấy anh xe nói ra ý không thiết kéo, nên quay lưng đi.

— Này, bà giả bao nhiêu ?

— Hai hào là đắt rồi, ngày rưng chỉ có hào rưỡi một giờ thôi.

— Thôi, năm hào rưỡi, bà có đi, không thôi thôi.

— Thôi.

Bà khách lại quay lưng đi, lần này thì đi thẳng.

Anh xe vắt chân chéo kheo, chống càng xe lên giời mà nhìn theo mãi một lúc. Anh đoán có lẽ người này cũng là khách kiết, nên mới giả xe giẻ quá như vậy, thôi thì người già thì ta non, anh chạy theo mà gọi:

— Này, bà lên xe! ... Hai hào... ! Xin bà hai hào rưỡi !

Bà khách vừa bước chân lên sân xe, thấy anh xe vòi hai hào rưỡi! vội nhẩy tọt ngay xuống đất mà nói:

— Không hai hào thì thôi.

— Thôi đây mời bà lên.

Bà khách vạch cổ tay áo, xem đồng hồ mà rằng:

— Chín giờ năm nhé. nhưng kể là chín giờ đúng cũng được.

Anh xe kéo giờ, cho nên cũng chỉ chạy « dưỡng-lão » thôi, đít nhồm mạnh. mà bước ngắn, vì thì giờ là tiền bạc, chậm phút nào là tiền phút ấy.

Trước anh xe tưởng là khách đi có việc gì, cho nên còn chạy, sau thấy bà khách cứ chỏ vơ vẩn hết phố nọ sang phố kia, mà chả đỗ ở nhà nào cả, thì mới đoán có lẽ là cảnh «ăn xương» chi đây, anh bèn đi bước một. Nhiều lúc muốn hỏi thực, nếu có phải giăng-há, thì mình giới-thiệu cho một món sộp đáo để. Nhưng nhỡ không phải thì họ mắng cho và không giả tiền thì khổ ?

Qua chợ Đồng-Xuân, vòng về Hàng-Cót, lại rẽ sang Cửa-Đông, bà khách bỗng hỏi:

— Anh xe có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không ?

— Vâng, nhưng bà có cho cháu hai hào thì cháu kéo hầu bà giờ nữa.

— Được,

— À, này anh có hào lẻ không, cho tôi vay mấy hào, chốc nữa tôi giả cả đồng cho tiện.

Anh xe móc bao-phục, lấy ra hai hào đưa cho bà khách. Bà khách vào hiệu mua gói thuốc lá, bao diêm, còn tiền mua cả hạt dưa để cắn.

Anh xe lại nhấp-nhổm chạy giảo cẳng vài bước, rồi lại tiến-tước như trước. Một lúc, anh mới đánh bạo hỏi một câu rõ khôn :

— Bà tìm ai, thưa bà ?

— Tôi tìm người quen.

— Người quen bà ở phố nào ?

— Anh cứ kéo đi.

Anh xe lại cứ kéo như thế, ra Ga, vòng về đường Sinh-Từ, quặt về Hàng-Bông, Hàng-Mành, Hàng Vải-thâm, vân vân ; mãi mãi mà người khách không tìm thấy ai quen.

— Thưa bà bây giờ mấy giờ rồi ?

— Mười một giờ kém năm.

— Con kéo hết giờ này, xin bà cho con tiền để con đi đón khách ở ga về.

— Anh có bằng lòng kéo giờ nữa không ?

— Thưa bà, con đón khách ở ga hay ở nhà chớp bóng thì một cuốc cũng được hai hào chỉ.

— Anh đã chắc có khách chưa? hay lại mật ít ruồi nhiều, rồi rắt xe về không. Anh lại cố kéo tôi giờ nữa, đi thủng-thỉnh thế này mà được tiền, chả hơn chạy mửa mật ra ư ?

Anh xe nghe bùi tai, lại bằng lòng kéo. Hàng phố càng thấy thưa người đi, các cửa đóng kín mít, Đi một lúc qua ngõ Trạm, vòng sang hàng Điếu, rồi giẽ sang hàng Bồ. Lúc ấy bốn bên im lặng như tờ, chỉ thấy tiếng lách-tách bà khách cắn hạt dưa thôi, thì bỗng một tràng pháo nổ, đi-đẹt báo giao thừa.

— Mấy giờ rồi, thưa Bà ?

— Phải gió nhà nào bây giờ đã đốt pháo giao thừa! Mới có mười hai giờ kém mười lăm.

Anh xe mới nghĩ: « mười lăm phút nữa, mình sẽ có sáu hào; sáu hào với hai hào là tám. Thế nào ta cũng nài thêm bà ấy mở hàng cho một hào nữa là chín hào. Chín hào! mở hàng ngay vào lúc năm mới vừa đến. Thật là may. Mở năm mới đã phát tài. Thôi sang năm tất là làm ăn bằng mười bằng trăm năm nay.»

Rồi anh nghĩ đến vợ con anh, mà phấn trấn trong lòng, như có cái sức gì nó sui dục anh ta quên khổ để vui lòng làm việc vậy.

« Sáng mai, kéo chuyến khách qua ga, song rồi ta đánh bát phở tái, rồi mua cho con cái bánh ga-tô cho nó mừng; vợ ta nghe thấy trong túi ta có tiền, thì chắc hớn-hở, thấy ta làm lụng vất-vả để kiếm tiền nuôi cả nhà, tất là thương ta lắm. Nhưng ta sẽ làm ra dáng không mệt nhọc, để vợ chồng con cái ăn tết với nhau cho hể hả. Anh vừa nghĩ thế vừa kéo về phía nhà thương Phủ-Doãn. Tới chỗ khi nãy, anh dừng xe lại, nói:

— Bây giờ có lẽ hơn mười hai giờ; xin bà cho cháu tiền.

Bà khách có ý luống-cuống, nói rằng:

— Chết! anh hỏi tiền tôi bây giờ à? Anh chịu khó kéo tôi một giờ nữa đi.

— Thôi. Khuya rồi, cháu phải về nhà.

— Này, chả nói dấu gì anh, tôi cũng đi kiếm khách từ tối đến giờ đây. Có anh biết đấy, có gặp ai hỏi han gì đâu. Tôi định nếu có khách thì hỏi vay tiền trước để giả anh, nhưng chẳng may gặp phải cái tối gặp gái thế này, thì tôi biết làm thế nào?

— Thế cô đi xe tội từ chín giờ, cô không giả tôi tiền à?

— Bây giờ thì tôi biết làm thế nào?

— Tôi kéo cô lên Cầm.

— Lên Cầm thì tôi cũng đành lên với anh, chứ tôi biết làm thế nào!

— Thế mà cũng vác mặt mặc cả xe giờ, lại còn vay tiền người ta mà mua thuốc lá với hạt dưa!

— Nhà tôi ở ngay đầu ngõ Hàng-Bún, khi nào anh đi qua thì tôi giả tiền anh chứ gì!

— Chứ gì! Một trăm ngõ Hàng-Bún, thì ai biết ngõ nào mà tìm!

— Tôi không có tiền đâu, chả tin, anh khám mà xem.

— Tôi không khám, cô giả tiền tôi cho tôi về!

— Đây, hay là phu-la, áo, đồng hồ đây, anh muốn lấy thức gì thì lấy.

— Tôi lấy để làm ma mẹ tôi à?

— Thôi này, đừng cáu làm gì, tôi bảo, cảnh tôi cũng như cảnh anh cùng là đi kiếm khách kiếm ăn cả, nhỡ phải một tối thế này thì chịu vậy, chứ biết làm thế nào!

— Thế sao cô không bảo thực tôi từ trước, để tôi kéo cô qua các nhà xăm để hỏi, cô còn sĩ-diện mãi.

— Nào ai biết cái cơ-sự nó ra như thế này. Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây, thì tôi không có tiền giả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt. Vậy anh cố kéo tôi nữa, may mà tôi có khách, thì tôi có tiền, mà anh cũng không phải phàn-nàn nữa.

— Tôi thật là nợ nần gì cô kiếp trước hay sao, mà nay tôi khổ với cô như thế này. Đầu năm mà đã rấp. Rắc-rối!

— Anh đừng nói thế, ai muốn thế này làm gì!

Bất đắc dĩ, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.

Nhưng lần này thì thật là không buồn bước lên nữa. Chán quá!

Rõ số đâu mà số ăn mày thề này.

Vừa đi vừa thở giài, khách cũng vừa cắn hạt dưa, vừa thở dài. Càng đi càng thấy phố vắng tanh, vắng ngắt, thỉnh thoảng mới gặp một người tùm hum cai áo bạ-đờ-suy, mà đi có ý vội-vàng.

Buồn thay! Đàn muỗi vo vo bay, đùa nhau chung quanh ngọn đèn; lá cây sột sạt rụng, đuổi nhau ở dữa đường dựa,

Anh xe rắt xe đi diễu qua các cửa nhà xăm để xin việc cho cô ả, nhưng lúc ấy đã hai giờ sáng rồi, cho nên ế! May sao đến đầu phố Hàng-Gai, thì gặp một người ăn mặc ra dáng ăn chơi đang tất-tả cúi đầu đi, cô ả dử mồi, đành liều gọi lại, vờ-vĩnh hỏi thăm đường. Nhưng khốn nạn, anh chàng này lắc đầu, và cứ giảo cẳng bước đều:

— Tôi không biết, cô hỏi thăm anh xe này cũng được, tôi còn vội đi mời đốc-tờ cho vợ tôi ốm đây!

Hai cái thở dài thất vọng theo đuôi nhau, rồi không ai nói thêm một lời nào, anh xe lại từ từ tiến bước.

— Cô làm thế này thì tôi chết mất!

— Thôi anh bằng lòng vậy.

— Ấy cũng may cho cô, vơ vẩn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật-thám hoặc đội con gái thì khốn!

— Mật-thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần, vì tôi có ba-tăng. Đi một lúc lâu, chẳng gặp một ai cả. Cô ả bảo anh xe rằng:

— Này anh đỗ xuống tôi bảo. tôi nói thực với anh nhé. Bây giờ đã về sáng rồi, chắc anh kéo tôi mãi cũng đến thế mà thôi. Tôi thì thực không có tiền giả anh đâu. Tôi gán cho anh khăn, áo, đồng hồ mà anh không lấy, thì tôi chả biết nghĩ thế nào cho phải cả. Thôi thì anh kéo tôi ra chỗ kín vắng, anh muốn bắt tôi gì, tôi xin chịu.

— Tôi bắt gì cô mà tôi bắt!

Cô ả nhăn-nhở cười, nắm lấy tay, vỗ vào vai anh xe mà rằng:

— Anh này thực-thà quá, nghĩa là chỉ có anh với tôi thôi, thì người tôi đây, anh muốn làm gì, tôi cũng bằng lòng.

— Ối thôi! tôi lạy cô. Nhỡ cô dỗ bệnh cho tôi thì tôi bỏ mẹ tôi!

— Không sợ, tôi mới khám bệnh hôm qua.

— Thôi, tôi chắp tay tôi van cô, cô có thương tôi thì mời cô xuống xe cho tôi về, và xin cô tiền xe!

— Thế thì anh cứ kéo tôi về nhà tôi xem có đồ đạc gì đáng giá thì anh cứ việc lấy.

Anh xe bụng bảo dạ, thôi thì cầm bằng như mất cả buổi đêm nay là cùng, nhưng ta chịu khó kéo nó về, may xem có cái gì ta lấy, còn hơn về không. Thật là đò nát đụng nhau.

— Nhà cô ở đâu?

— Trên hàng Bún.

Anh xe vừa kéo vừa lẩm bẩm nói một mình:

— Không có tiền, cũng léo lên xe mà ngồi, chỉ sĩ-diện hão thôi, lại còn tí tách hạt dưa, với phì phào thuốc lá mà không biết ngượng!

Cô ả đành chịu mặt giầy cho anh xe mắng một ít câu cho bõ hờn, cứ ngồi im như phỗng.

Lúc ấy gió bấc thổi căm căm, buốt đến tận xương. Nhà hàng phố đã thấy có người dậy. Nhưng họ dậy có phải để đi tìm gái đâu!

Đến cửa một nhà xăm, cô ả bảo:

— Anh hãy ghé vào đây một tý cho tôi hỏi vay tiền người này xem có được không.

Anh xe trong bụng cũng hơi có hy vọng, đỗ xuống để cho cô ả vào, rồi vì mệt lử cả người, anh ta ngồi phịch xuống sân xe, tựa lưng vào thành, vừa chờ vừa nghĩ vơ nghĩ vẩn.

Một lúc lâu. một tràng pháo nổ vang trời, làm cho anh ta rật mình sực nghĩ đến cô ả, không biết cô ta vào đây làm gì mà lâu thế.

Hay có lẽ đã có món khách nào chăng. Nhưng thế nào cũng phải giả mình tiền cho mình về đã chứ, có lẽ lại bắt mình chờ đến sáng hay sao? Anh bèn gõ cửa gọi. Người bồi săm ra.

— Ông ơi, tôi hỏi thăm ông, người con gái quấn khăn quàng trắng vào ban nãy nằm ở buồng nào?

— Chả có buồng nào có khách cả.

— Thế người con gái ấy đâu ?

— Ra ngay từ bao giờ rồi, còn gì mà hỏi.

- Thôi chết tôi rồi, ra cửa nào ?

Người bồi lấy ngón tay cái, hất ngang về phía cổng sau. Lúc ấy anh xe choáng người như nghe tiếng xét đánh, bàng-hoàng như chưa tỉnh giấc chim bao. Người bồi xấm bảo.

— Đi ra cho người ta đóng cửa. Ai bảo anh sông nhà cho tôi ?

Năm mới đừng bí - beng.

— Ông ơi ! . .

Người bồi dúi vai anh xe, đẩy ra, đóng ấp cửa lại. Anh xe nghiến răng, cáu mặt, lủi thủi ra hè, cầm cái đệm xe quật mạnh vào hòm đánh thình một cái ! móc túi lấy bao diêm đốt vía, rồi khèo bàn chân, co cái càng xe lên, đưa tay ra đỡ, thủng thẳng dắt xe đi. Lúc ấy tiếng pháo chào xuân nối đuôi nhau mà đùng đùng, toạch toạch, mà anh xe này vừa đi vừa chùi ngang qua mắt...

Anh ấy khóc, phải anh ấy khóc! Anh ấy khóc để lấy giọt nước mắt rửa sạch cái vết ba - đào của cảnh phu xe, trong kiếp *ngựa người*, tình cờ bị vạ lây với cái bước ba-đào của cảnh giang-hồ trong kiếp *người ngựa* ! . . .

11 Février 1931

Nguyễn-công-Hoan

HÀI ĐÀM

Khai Mỏ

Năm mới, nhà ông Hàn, có ông Nghị đến chơi, lại có cả cụ Bá ; cùng ngồi uống nước nói truyện về cuộc kinh-tế ở Đông-Dương trong năm 1931.

Ông Hàn nói: Cuộc kinh - tế mỗi ngày mỗi khó, không biết rồi năm nay chúng mình làm ăn ra sao?

Ông Nghị: Năm nay tôi muốn yêu cầu một việc riêng, xin một tỉnh rượu không biết có được không?

Cụ Bá: Cần gì! năm nay chỉ sợ không có tiền mà làm! nếu có nhiều tiền mà làm thì một việc khai mỏ, biết bao nhiêu là lãi!

Ông Nghị: Mỏ gì?

Cụ Bá: Năm nay nếu chỉ tìm kiếm được nhiều mỏ than mà khai, thời không những lãi to; mà lại là một sự « *nghĩa, lợi hưởng toàn* »

Ông Hàn: Sao thế? Sao cụ biết?

Cụ Bá: *Vì ở Nam - Định năm nay có hãng tầu An-Nam chạy bể*, tiêu dùng nhiều than lắm. Nếu có than mà bán, thời không những lãi to; lại giúp cho sự *tiến-thủ* của người nước mình may có thể đua chen được với ngoại-quốc.

Ông Nghị: Ừ! hay chúng ta hãy đừng làm việc khác vội; để gom sức chỉ làm một việc than, thế nào cũng có lãi! Mà nếu hãng tầu ấy chạy được mạnh, thời các giới nông, công, thương của nước mình đều được nhờ đó phát - đạt hết. Có lẽ thật hay!

Ông Hàn: Thế hãng tầu ấy giấy má hỏi tại đâu?

Cụ Bá: Ấy cứ hỏi **ở số nhà 123 Phố Khách.**

Tản-Đà

Tín - Đức Thu - Xã

là một hiệu sách lớn

N° 37, Rue Sabourain, N° 37

SAIGON

TÉLÉPHONE 669

Có bán **An-Nam Tạp-Chí**, Tiểu-thuyết ta, tiểu - thuyết tây, các thứ sách, vở, giấy, bút, vân vân.

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Tin báo giới

Trong số năm mươi tám việc đem xét tại Ủy-ban-Thường trực Hội-Đồng chính-phủ họp sàng hôm nay 4 Février 1931 do quan Toàn-Quyền Robin chủ tọa, có mấy việc quan-hệ đến báo-giới như sau này:

1.— Bản dự thảo nghị định bãi hai đạo nghị định ngày 8 Février và ngày 30 Octobre 1930 cho phép M. Đặng-nguyên-Quang được xuất bản một tờ nhật báo đặt tên là «Phổ-tnông-Báo» và một tập Tạp-Chí đặt tên là «Phổ-Thông-Tạp-Chí»

2.— Bản dự thảo nghị định cho phép M. Nguyễn-bá-Chính được xuất bản một tờ nhật báo quốc-văn đặt tên là «l'Ere Nouvelle»

3.— Bản dự thảo nghị định cho phép M. Nguyễn-Dạo-Kinh và M. Đặng-Đức-Tô được xuất bản một tạp chí quốc-văn mỗi tháng ra hai kỳ đặt tên là «Kinh-tế-tạp-chí» (Revue economique et financière),

Một tạp - chí bị cấm

Trong kỳ hội đồng ban thường trực của Hội-đồng chính-phủ sáng qua có dự thảo nghị định cấm kâông cho đem tập tạp-chí **Tân-Á Tế-Á** (Sin Ya-si-Ya) in ở Nam-kinh, vào trong địa-hạt **Đông-dương**.

Trung Bắc Tân Văn 25-2-31

Các việc biến động ở Đông-dương và sự hành động của Cộng-sảnđảng Nga

Hãng Thông-tin Trung-ương Nga có báo những điều tưởng tất tỏ ra rằng đảng Cộng-sản có trách-nhiệm về các việc biến động ở Đông dương. Hãng Thông-tin ấy nói rằng: Năm 1929 chuyên sự tổ chức những tiểu tổ Cộng-sản. Hãng ấy công nhận rằng: Người đảng Cộng-sản đã dự một phần hoạt động trong những cuộc đình công hồi tháng Avril năm 1930 cùng những việc lôi thôi xảy ra ở đồn điền Michelin và đã tổ chức nên nhiều cơ quan Cộng-sản trong các nơi thôn quê, các cơ quan đó đã gây ra những vụ biểu tình mà sau đến thành ra những cuộc sung đột. Hãng ấy cũng công nhận rằng: Họ lấy khẩu hiệu là danh lấy địa vị và đánh đuổi người Pháp cùng các quan lại, các hương chức, các điền chủ thôn quê, mà tổ chức quyền hành các thợ thuyền các dân quê cùng binh lính theo khuôn mẫu Sô-viết.

A.R.I.P. 16 Février 1931

Một viên Thanh-tra Mật-thám ở Saigon bị hại

Hôm qua, viên Thanh-tra Mật thám René Legrand vừa mới bị một người Cộng-sản Bản xứ bắn một phát súng lục tạ thế.

Cứ như những tin thứ nhất, do phủ Thống đốc Nam kỳ gửi ra mà phủ Toàn-quyền mới tiếp được, thì sự thể việc này như vầy:

Hồi 6 giờ chiều hôm qua chủ nhật (8 Février) ở chỗ góc phố Lareynière và phố Legrand de Lalirave, có mấy bọn biểu tình dương những lá cờ đỏ ra, Các viên Thanh-tra Mật-thám ở đó lập tức ra tay đàn áp. Viên Thanh tra Réne Legrand vừa sấn lại chực bắn một người trong đám biểu-tình, thì một người khác giơ súng lục bắn ngay một phát vào ngực viên Thanh tra ấy. Viên Thanh tra ấy bị thương nặng, vừa đem tới nhà thương Grali thì tạ thế liền.

Hung - thủ đã bị viên thanh tra Mật thám René Borel bắt được ngay: có hai phát súng bắn, vào phía viên Thanh-Tra này, nhưng không trúng. Năm người biểu tình nữa cũng đã bị bắt

Quan Toàn-qnyền đã quyết định truy tặng « Cảnh sát Danh dự Bội tinh » cho viên thanh tra René Legrand. Quan Toàn Quyền nhờ quan Thống đốc Nam-kỳ chuyển nhời chia buồn của ngài đến người vợ góa của viên Thanh-tra chết vì nghĩa vụ ấy, và cử quan Thống-đốc thay mặt ngài đi đưa đám cùng đặt một vòng hoa trên phần-mộ.

Quan Toàn-quyền lại có cậy quan Thống-đốc Nam-kỳ ngỏ lời khen ngợi viên Thanh-tra René Borel về cái thủ đoạn can-đảm của viên này.

Dịch bản thông tin của phủ Toan-quyền ngày 9 Février 1931

Thực nghiệp 9-2-31

Một ugười lính mật thám đi rình Cộng sản bị bắn lầm trọng thương

Saigon. — Ai cũng biết rằng sau khi viên Thanh-tra Legrand chết rồi, thì sở Mật thảm đi xét nhà đã lắm. Trong đêm 10 Février vừa rồi, các ngài đi đến một phố dễ coi chừng động tĩnh, vì chính các ngài mới bắt được Cộng sản chỗ ấy hôm tối thứ hai. Chuyến đi này có ông chủ sở Mật-thám làm đầu. Trong lúc phá cửa xông vào một phố, thì ở trong bóng tối có một cây súng lục đưa ngay ra. Một người nhìn lanh mắt bắn trước, trúng vào bụng người núp một mình ấy,

Chẳng đè người bị thương nặng ấy, là một viên mật thám Annam tên Lê-văn-Tân, ban đêm lẻn đi do thám một mình, Biết được sự bắn lầm như thế, quan Chánh sở là ông Nadaud lật đật chở bịnh nhân về nhà thương Chợ Rẫy, Bịnh tình người lúc ấy coi không thể sống được, nên chiều thứ tư. ông Nadaud nhận danh quan Thống-Đốc Nam-Kỳ, đã trao cái mề đay danh dự, tặng khen người giúp việc rất trung thành của mình.

Thực-nghiệp 24-2-31

HAIPHONG

Một người mật-thám ta bị đâm ở phố Chợ-con

Người mật-thám ta tên là Vũ-đình-Chín đi tuần đến phố Chợ-con (Sadi Carnot) bỗng một bọn bốn người ẩn nấp đấy ùa ra, lấy dao chém. Có một mình, lại đang lúc bất ngờ, người mật-thám không thể chống cự nổi, bị bốn người kia chém nhiều vết thương rất nặng. Chém xong người mật-thám thì bốn người này đều chạy trốn mất cả.

Người mật-thám Vũ-đình-Chí hiện đã vào nhà thương chữa thuốc, bệnh tình xem ra rất nặng. Sở mật-thám Hải-phòng đang điều-tra việc này và tìm bắt các hung-thủ.

Trung-Bắc 26-2-31

Nhanh tróng, cẩn thận
Nhiều thứ chữ tân-thời
In theo lối mỹ-thuật

LÀ

NHÀ IN NAM-VIỆT

NGUYỄN-TUYÊN

DIRECTEUR-PROPRIÉTAIRE

N° 6ª Boulevard Harmand – NAMDINH

TÉLÉPHONE N° 89

ADRESSE TÉLÉGRAPHIQUE :

NGUYENTUYEN - Namdinh

TIN TRUNG HOA

Ngô-bội-Phu lại hoạt động

Tin Ngô-bội-Phu lại ra hoạt động đều đồn dậy khắp nơi. Ngô đặt bộ tổng-tư-lệnh ở Tuy-định, hiện đang thu biên số quân đội thừa ở trong tỉnh Tứ-xuyên dự bị vào đánh Cam-túc. Nghe đâu bọn Đăng-tích-Hầu, Điềm-tụng-Nghiêu đã mang quân bản-bộ vào Cam-túc tiến chiếm Bích khâu. Xét ra hai bộ quân của Đặng, Điền đã đóng lâu ở bờ cõi hai tỉnh Tứ-xuyên, Cam-túc, thời thường có di-động đi các nơi.

Trung-Bắc-Tân-Văn 7-2-31

LÝ TƯỞNG SẮP THÀNH SỰ THỰC

Thám hiểm bằng tầu ngầm

Paris, 21-2-31, — Một nhà thám-hiểm Hoa-kỳ tên là Wikins định dùng tầu ngầm để đi thám-hiểm miền Bắc-cực. Mới nghe thì tưởng là một việc mơ hồ không thể thi-hành được. Song ông Charcot có nói với báo «Écho de Paris» rằng việc thám-hiểm bằng tầu ngầm không phải là mơ-hồ, mà sắp sửa thi-hành được thực. Ông Charcot lại nói thêm rằng: Chính ông cũng đã có cái ý tưởng đó từ lâu rồi Vì trước kia ông có giả nhời cho ông Wikins trong một tờ báo Mỹ rằng: «Việc thám-hiểm bằng tầu ngầm có thể thi-hành được. Các điều dị-kỳ mà nhà trước-thuật Jules Verne nước Pháp đã tả ở trong chuyện thì người ta phần nhiều đã thực-hành được cả». Khi ông Wilkins đến Paris thì có lại thăm ông Charcot và nói rằng: «Cũng là nhờ ngài cho tôi biết mấy quyển sách truyện về khoa-học Jules Verne tiên-sinh, từ nay tôi có thể theo đó mà thí-nghiệm được nhiều điều hay».

Tuy vậy, việc ông Charcot vẫn thú rằng việc thám-hiểm bằng tầu ngầm hiện nay rất có nhiều sự nguy-hiểm. Nhưng ông đã quyết thế nào cũng đi theo ông Wilkins.

Thực-Nghiệp 25-2-31

ĐẠI CÔNG-TRÌNH

Phòng giữ nước Pháp

PHÒNG BỊ QUÂN ĐỨC, QUÂN Ý

Xưởng binh-công trong quân đội nước Pháp đang gắng xây dựng một cái công-trình về việc quốc phòng mà trong lịch-sử trước nay chưa từng có bao giờ: Pháo đài.

Khi mới bắt đầu công-trình xây dựng pháo-đài này, thủ-tướng nước Ý là Mút-sô-ly-ni công-kích kịch-liệt. Nhưng Chính-phủ Pháp đã không hề vì đó mà đổi chí; nhân-dân nước Pháp cũng không vì những án quyết-nghị trong các hội-nghị giảm quân mà đổi lòng; trên dưới nhất tâm, quan dân đấu cật, gắng gỏi tiến-hành, hẹn trong 3 năm thì xây xong mấy trăm chiếc pháo-đài rất kiên-cố, rất liên-lạc ở khắp đường biên-giới tiếp-giáp với nước Đức, nước Ý, nước Tỵ và gần miền núi An-pờ, dự-bị cuộc đại chiến tương-lai.

Thứ pháo-đài này là cái công-trình phòng ngữ mới phát-minh, người phát-minh là Phi-đan tướng-quân người nước Pháp, dự tính phí tổn đến 6, 7 triệu triệu (một con số 6 hay số 7, và 12 con 0) phật lăng, nguyên định làm 40 năm mới xong (trên kia nói 3 năm có lẽ nay vì thời-cục khó-khăn nên làm gấp lên chăng?) Công trình to quá, có lẽ sau khi làm xong, số phí-tổn còn hơn số đã dự tính cũng chưa biết chừng.

Bên ngoài pháo-đài không có đào hào đắp lũy. Hào lũy vốn dùng để hộ-vệ pháo-đài công dụng không phải là ít, thế mà nay pháo đài nước Pháp lại không dùng hào lũy, không phải là quên đi đâu, bởi vì có cách khác tốt hơn để thay cho hào lũy kia, Cách tốt hơn này gọi là «pháo-đài trên bánh xe». giống như súng trái phá bọc sắt vậy; nhỡ khi xảy có cuộc chiến tranh thứ xe súng này cứ đốt lửa để sẵn sàng, được lệnh là lập tức chạy ra ứng địch. Cách này còn tiện lợi và chắc-chắn hơn hào lũy nhiều.

Trong khoảng từ pháo-đài nọ đến pháo-đài kia, có đường ngầm xây rất kiên-cố, để thông tin tức với nhau, Đằng sau đường hầm là trại lính, trại lính cũng xây toàn bằng xi-măng cốt sắt, bền chặt lạ thường. Lối đường ngầm và trại lính này là do những bài học trong cuộc đại chiến mà sinh khôn ra vậy. Cái gì cũng dùng điện: nào quạt điện để phòng hơi độc, nào bếp điện, nào lò điện, v. v... hết thảy mọi cái đều lấy sức điện làm chủ động Tiền kiến trúc trại lính như thế, mỗi cái ước chừng mấy triệu phật-lăng.

Trong mấy trăm chiếc pháo-đà- có 2 chiếc to hơn cả. Một cái gọi là Mai căn-bảo một cái gọi là Hoắc-khừ-hoa. Theo như nhời người đã được mục kích: Hai cái này không những mười phần kiên cố, mà xây xuống đất cũng lạ thường; sâu hơn mỏ than. Lại còn nhiều cái, hoặc xây ẩn ở trong rừng cây, hoặc xây kín trong đám cỏ, không hở một tý ngấn tích, có cái lại xây ở dưới nước, những cái đó vì muốn được bền vững, cũng xây xuống đất rất sâu.

Hiện nay, kẻ cừu địch nước Pháp là nước Đức và nước Ý, nước Pháp xây dựng công trình này là cốt để phòng bị hai nước đó. Song ở biên giới nước Bỉ là nước vẫn thân thiện với Pháp mà Pháp cũng xây pháo-đài như vậy, điều đó thì ai cũng biết rằng không phải là phòng nước Bỉ, chẳng qua cũng để phòng nước Đức, vì cuộc đại chiến trước, Đức đã vượt qua Bỉ mà sang đánh Pháp, nên ngày nay phải dự bị trước đi đó thôi.

Thực-nghiệp 25--2-31

Nên dùng:

MÔN THUỐC THẦN TIÊN

THỰC LÀ HIỆU-NGHIỆM

VẠN-TUYỆN KHÔNG SAI

Chuyên-môn nghiên-cứu **Đông, Tây,** Lựa theo khí-bẩm của người xứ ta.

Chọn toàn thuốc tốt chế ra,

Cao, đơn, hoàn, tán, mọi khoa tinh tường.

Các ngài cần dùng, hay muốn làm **Đại-lý** cho Bản-đường.

Xin viết thơ về hỏi, sẽ gửi quyển mẫu hàng biếu ngay.

Thơ và Mandat đề như sau này:

Nguyễn-Xuân-Dương 123, Phố Khách

NAM-ĐỊNH

Các ngài Đại-lý bán An-Nam Tạp-chí ở Saigon, Gia-định, Chợ-lớn, xin cứ giao tiền cho **M. VŨ-TRANG** 59 Aviateur Garros biên nhận.

Le Gérant:

PHAM-DINH-KY

CÁC NHÀ ĐẠI-LÝ CỦA BẢN-CHÍ

Nam-Dinh :
Nam-Việt *(Harmand)*
Tân-Ninh *(Carreau)*
Hói-Kỳ —
Mỹ-Thắng : *(Protectorat)*
Lạc-Dân *(Henri-Rivière)*

Hanoi :
Bắc-kỳ thời-báo *(Colon)*
Tân-Dân —
Nhật-nam —
Đông-Tây —
Bùi-quang-Ý —
Cầm-văn-Đường —
Thụy-ký *(Chanvre)*
Thiện-Hưng —
Cát-Thành —
Tr.-ph.-Thảo —
Thư-Lâm *(Chapeaux)*
Nam-Hưng *(Stores)*
Nam-Ký *(Fr. Garnier)*
Kiosque Tân-Dân *(Place de Négrier)*
Bình-Dân *(Éventails)*
Thọ-Tường *(Route Huế)*
Bùi-Quý —
Phúc-Thịnh *(Paniers)*
Kim-đức-Giang —
Nam-Long *(Papier)*
Tr.nh.Tiếp *(Herblantiers)*
Xương-Ký —
Ngô-bích-San (Cầu-gỗ)

Hai-Phong :
Học-Hải, *(Ngõ-Nghè)*
N.-ng.-Bích *(Strasbourg)*
Nam-Tân, *(A. Bonnal)*
Hương-Hải —

Hai-Dương :
Nam-Đồng-Cát,
Văn-Hải, *(Đông-Giang)*
Ph-q-Huân, *(Gia-Lộc)*
Đương-Xuân *(Commerce)*

Bắc-Kạn :
Trương-phúc-An,

Bắc-Giang :
Tân-ích *(Rue Tân-Ninh)*
Hà-đ-Viên, *(Nghĩa-Long)*

Bắc-Ninh :
Quỳnh-Hoa, *(Ninh-Xá)*

Hong-Gay :
Hạ-Long,
Đoàn-văn-Trường,

Hưng-Yên :
Lê-la-Sang, *(Nguyệt-Hồ)*

Việt-Trì :
Đức-thái-Thành,

Sơn-Tây :
Phú-lương *(Cửa-Hậu)*

Phủ-Lý :
Bùi-long-Chi,

Phú-Thọ
Nguyễn-Hữu,

Ninh-Bình :
Giáo-Phụ.
Lê-phúc-Thành,

Thái-Bình :
Ích-Chi. *(Ar-Rousseau)*

Vĩnh-Yên :
Ha-s-Đa *(Vĩnh-Thành)*
Tr.-v-Bang *(Vĩnh-Thịnh)*

Thái-Nguyên :
Nguyễn-duy-Kinh.

Tuyên-Quang :
Tuyên-Quang thư-quán

Phúc-Yên :
Đồng-Lâm, *(Commerce.)*

Lao-Kay.
Ng.-v.-Long, *(Carovanes)*

Vinh.
Tam-Kỳ thư-quán

Thanh-Hóa.
Chu-đình-Quán, *(rue Văn-Trường)*
Thành-Đức *(phố Khách)*

Đồng-Hới.
Nguyễn-Bái.

Huế.
Lê-thanh-cảnh.
Quan-Hải, *(Gia-long.)*

Tourane.
Ng.-hữu-Bốn, *(Musée.)*
Lê-thừa-An.

Nha-Trang.
Mộng-Lương

Dalat.
Đinh-văn-Châu.

Saigon.
Tín-Đức, Thư-xã.
Ph-h-Huyền
Vũ-Trang
(Aviateur Garros.)
Nguyễn-t-Kinh —
Chân-Thụy *(Mac Mahon)*
Cồ-kim *(r. Albert.)*
Lập-Xuân-Đường.
Đoàn-trung-Con.
Chung-Tín thư-xã.
Paul-Đông.
Trường-Xuân.

Sadec.
Trần-văn-Thịnh.

Rạch-Giá.
Ng-ng-Thái *(r. d'Annam)*

Cần-Thơ
Phạm-văn-Nghĩa.

Mỹ-Tho.
Nam-cường

Hà-Tiên.
Đỗ-ngọc-Ẩn

Châu-Đốc.
Công-nghĩa-Thành.

Bến-Tre.
Hy-Vọng.

Bắc-Liêu.
Lê-ngọc-Thành.

Vĩnh-Long
Phụng-An

Pnom-Penh.
Paul-Báu, *(rue Badens)*

Vientiane
Vũ-thị-Giang *(Georges Mahé)*

Yunnanfou.
Vũ-văn-Lễ, *(Instituteur.)*